

THÔNG TIN

# Khoa học & Công nghệ



SỐ 3/2001 (34)

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG



- ▣ CHÀO MỪNG HỘI NGHỊ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LẦN THỨ VII
- TÌM HIỂU VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ VII
- CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VỚI ISO - 9000





### Trong số này

#### BAN BIÊN TẬP

**GS.TS PHẠM BÁ PHONG**

*Trưởng ban*

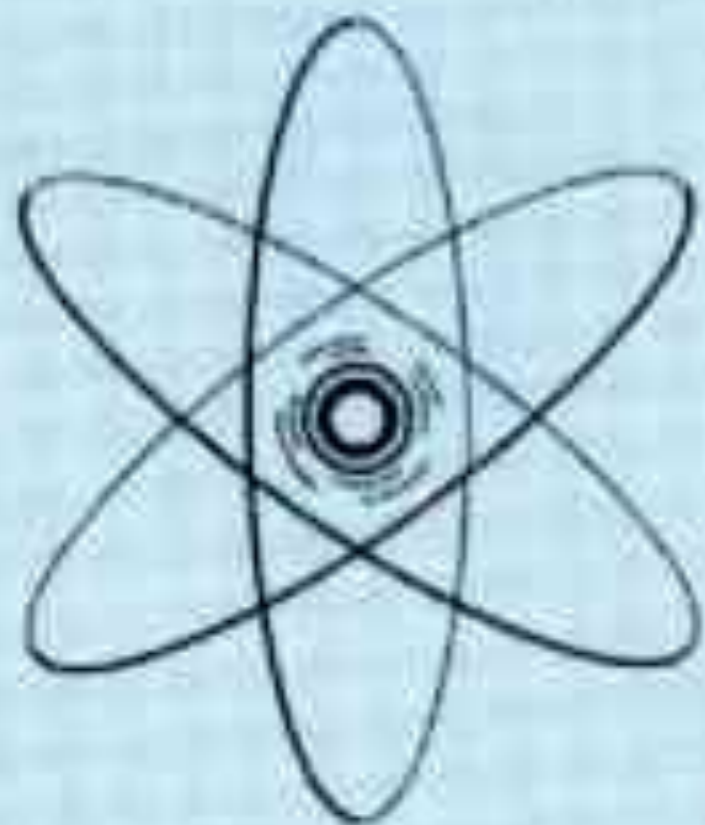
**TRƯƠNG TRỐ**

*Phó ban*

**NGUYỄN HỮU TRANH**

**NGUYỄN THỤY HOÀNG**

**NGÔ HUY ĐÔNG**



**ẢNH BÌA TRƯỚC**

*Hồ Ankrøet*

**NHIẾP ẢNH**

*Bá Trung*

* Chào mừng hội nghị khoa học, công nghệ và môi trường miền đông Nam bộ lần thứ VII tại TP.HCM	1
* Tìm hiểu văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII	2
* Hội thảo phát triển Du lịch Đà Lạt	4
* Xử lý thoát nước thải đô thị Đà Lạt	6
* Cải cách hành chính với ISO-9000	8
* Giới thiệu một số đặc điểm của giống dâu lai Trung Quốc Sa Nhị Luân số 109	12
* Một số phương pháp mới trong bảo quản nông sản và thực phẩm	14
* Vườn thơ "Hoa tư tưởng"	16
* ABC Đà Lạt	18
* Giới thiệu và ứng dụng lâm sàng phương pháp chụp cắt lớp điện toán tại bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	21
* Cây keo đậu Philippin ( <i>Leucaena leucocephala</i> ) sử dụng làm trụ tiêu đạt hiệu quả cao	23
* Một số thông tin về hoạt động sở hữu công nghiệp	25
* Mùa mưa ở Lâm Đồng	27
* Nấm Linh chi và sức khỏe	29
* Thông tin khoa học, công nghệ và môi trường	30
* CD-ROM Lâm Đồng - Đà Lạt, những tư liệu khảo cứu	32

Giấy phép xuất bản số 2293/GPXB do Bộ văn hóa - thông tin cấp ngày 20.6.1995.

Sắp chữ tại Sở khoa học, công nghệ & môi trường tỉnh Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp in Lâm Đồng.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11.2001



## CHÀO MỪNG HỘI NGHỊ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LẦN THỨ VII TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội nghị khoa học, công nghệ và môi trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ đã lần lượt được tổ chức hàng năm tại các tỉnh trong khu vực. Tính đến nay đã được 6 kỳ hội nghị.

Hội nghị lần thứ I được tổ chức vào năm 1995 tại tỉnh Sông Bé (cũ) nay là hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước; Hội nghị lần thứ II tại Bà Rịa - Vũng Tàu (1996); lần thứ III tại Đồng Nai, Biên Hòa (1997); lần thứ IV tại Tây Ninh (1998); lần thứ V tại Lâm Đồng - Đà Lạt; lần thứ VI tại Bình Thuận - Phan Thiết và hội nghị lần thứ VII năm 2001 sẽ được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là một hình thức giao ban và tổng kết hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường của các tỉnh trong khu vực dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ KH,CN&MT. Đây cũng còn là ngày hội "Khoa học, công nghệ và môi trường khu vực miền Đông".

Trải qua 6 lần hội nghị, mỗi địa phương và Bộ KH,CN&MT rút ra được nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức hội nghị khoa học. Những thành công chính của các hội nghị là:

- Thông tin khoa học, công nghệ và môi trường trong vùng thông qua kỹ yếu khoa học của hội nghị.
- Đánh giá hoạt động KH,CN&MT hàng năm, giao ban giữa lãnh đạo địa phương với Bộ KH,CN&MT và các ngành chức năng của Bộ.
- Gặp gỡ thân mật giữa những người làm công tác quản lý khoa học, công nghệ và môi trường, động viên sự cố gắng vươn lên trong nghề nghiệp đồng thời tìm hiểu thêm về thiên nhiên, con người của địa phương đăng cai tổ chức.

Tuy nhiên, hội nghị khoa học, công nghệ và môi trường miền Đông Nam Bộ cũng còn một số hạn chế:

- Các hội nghị đã đưa ra nhiều chủ đề, không đủ thời gian hàn sâu để tháo gỡ vướng mắc, giải quyết dứt điểm. Do đó có nhiều vấn đề tồn tại của ngành, của vùng và địa phương chưa giải quyết kịp thời tuy năm nào cũng được nêu ra.
- Những kết luận của lãnh đạo Bộ chủ quản đã không có bộ phận, cơ quan trực đôn đốc, triển khai thực hiện, trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng ở Bộ với các địa phương trong việc này chưa được xác định rõ ràng.

Năm nay, Sở KH,CN&MT thành phố Hồ Chí Minh đăng cai tổ chức hội nghị lần thứ VII với nhiều ý nghĩa lớn:

- Đơn vị đăng cai là một trung tâm lớn, mạnh về hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường ở các tỉnh phía Nam.
- Đây là năm đầu thế kỷ, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xem khoa học, công nghệ là động lực của sự nghiệp hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước.

Tại hội nghị trù bị lần thứ nhất, các địa phương đã thống nhất với các chủ đề do Sở KH,CN&MT thành phố Hồ Chí Minh đưa ra: *Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tạo ra sản phẩm chất lượng cao; Doanh nghiệp hiện đại hóa chuẩn bị cho quá trình hội nhập kinh tế; Sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng; Khoa học, công nghệ phục vụ quy hoạch và quản lý đô thị.*

Bên cạnh 4 chủ đề trên, hội nghị trù bị còn muốn làm rõ thêm vai trò, vị trí thực sự của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố đã lãnh đạo và phát huy công cụ này như thế nào. Được biết, Sở KH,CN&MT thành phố Hồ Chí Minh đã đặt hàng với Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bài tham luận về vấn đề quan trọng này. Ngoài ra, hội nghị còn được tham quan học tập một số mô hình thực tiễn sinh động, hấp dẫn của thành phố Hồ Chí Minh.

Chào mừng hội nghị khoa học, công nghệ và môi trường miền Đông Nam Bộ lần thứ VII, các sở KH,CN&MT trong khu vực đã có những cố gắng lớn trong công tác chuẩn bị được phân công, hợp tác tích cực với đơn vị đăng cai với hy vọng đóng góp cho sự thành công của hội nghị.

Là một đơn vị của địa phương luôn đi đầu trong đổi mới, Sở khoa học, công nghệ và môi trường thành phố Hồ Chí Minh sẽ tổ chức hội nghị KH,CN&MT miền Đông Nam Bộ lần thứ VII thành công, đáp ứng yêu cầu và niềm tin của các thành viên trong vùng.



**Đ**ại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII đã đưa ra phương hướng và mục tiêu chính để phát triển kinh tế - xã hội của Lâm Đồng từ 2001 đến 2005.

### Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Lâm Đồng đến 2005

Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; phấn đấu phát triển nông - lâm nghiệp bền vững, xây dựng mạng lưới công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu và phát triển một số lĩnh vực công nghiệp có lợi thế. Tập trung đầu tư phát triển các địa bàn kinh tế động lực, các ngành sản xuất có khả năng thu hút nhiều lao động và tạo nguồn lớn cho ngân sách; trên cơ sở đó đầu tư trở lại cho các địa bàn chậm phát triển, từng bước rút ngắn sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các dân tộc trong tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chăm lo giải quyết tốt vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị vững chắc từ tỉnh đến cơ sở; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### Mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2001-2005

- Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm là 11-12%.

- GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,5-6 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm: công nghiệp 16-17%, dịch vụ 13-14%, nông nghiệp 10-11%.

- Đến năm 2005, tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 48%, dịch vụ 31%, công nghiệp 21%.

- Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách đạt 9-10% so với GDP.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 2001-2005 đạt 32% GDP; trong đó, tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp 28,5%, dịch vụ 27%, công nghiệp 23% và kết cấu hạ tầng 21,5%.

## Tìm hiểu văn kiện **ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ VII**

- Tạo việc làm mới hàng năm cho 16.000-18.000 lao động.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1,7% vào năm 2005.

- Cơ bản xóa hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 8% vào năm 2005.

- Đến năm 2005, có ít nhất 75% số tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh; các thôn buôn đều có đảng viên.

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Để đạt được những mục tiêu trên, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như sau:

- Về phát triển nông - lâm nghiệp, xây dựng vùng đồng bào dân tộc

Phát triển nông nghiệp bền vững, trọng tâm là củng cố và phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, có năng suất, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến; tập trung thâm canh diện tích các loại cây công nghiệp dài ngày hiện có, phấn đấu đến năm 2005 đưa giá trị sản lượng cây công nghiệp dài ngày chiếm 75% giá trị ngành trồng trọt. Đầu tư thâm canh các vùng rau, hoa thương phẩm. Xây dựng vùng chuyên canh lúa nước, ngô đảm bảo sản lượng lương thực đạt khoảng 185.000 tấn vào năm 2005. Khuyến khích phát triển chăn nuôi với quy mô lớn để đẩy nhanh giá trị chăn nuôi đạt 15% giá trị ngành nông nghiệp vào năm 2005. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, trồng và bảo vệ rừng, ngăn chặn có kết quả nạn khai thác lâm sản, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép và nạn cháy rừng, phấn đấu đến năm 2005 đưa độ che phủ của rừng lên 65% diện

tích tự nhiên của tỉnh; đầu tư bảo vệ rừng cảnh quan, bảo tồn nguồn gen động, thực vật phục vụ nghiên cứu khoa học và kinh doanh du lịch.

Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả hơn nữa Chỉ thị 25 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa V). Phấn đấu đến năm 2005, cơ bản xóa hộ đói, giảm hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc xuống dưới 13%, chấm dứt nạn phá rừng, làm rẫy. Coi trọng việc xây dựng thực lực chính trị trong vùng đồng bào dân tộc.

- Về phát triển công nghiệp, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản, gắn công nghiệp với nông nghiệp, lâm nghiệp để ổn định vùng nguyên liệu; củng cố, sắp xếp các cơ sở sản xuất hiện có, cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, chuẩn bị tốt cho quá trình hội nhập quốc tế. Khuyến khích xây dựng mới các cơ sở công nghiệp, đồng thời khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, các cơ sở công nghiệp chế biến nhỏ ở nông thôn, cơ sở cơ khí phục vụ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ, củng cố thương mại quốc doanh và tập thể, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế khai thác đầu tư hoạt động thương mại phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; mở rộng các trung tâm thương mại ở thành phố, thị xã, thị trấn; đồng thời phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở các xã, khu dân cư tập trung; giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu, tăng



xuất các mặt hàng tinh chế, chú trọng xuất khẩu tại chỗ.

- Phát triển nhanh các ngành dịch vụ, sớm đưa ngành du lịch - dịch vụ trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh; phát huy nội lực và thu hút các nguồn lực bên ngoài nhằm phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch phù hợp với đặc thù của địa phương để tạo ưu thế cạnh tranh; nâng cao hiệu lực quản lý ngành và lãnh thổ, từng bước phân cấp quản lý đối với cấp huyện, đồng thời phát huy vai trò của các hội nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh du lịch. Cần phát triển các ngành dịch vụ quan trọng như: Bưu chính viễn thông; vận tải và các ngành dịch vụ khác.

- Lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và khoa học công nghệ, ưu tiên vốn cho đầu tư phát triển các ngành, địa bàn kinh tế động lực; đầu tư xây dựng một số tuyến đường giao thông quan trọng của tỉnh; thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm để phát triển giao thông nội vùng, chú trọng các tuyến liên thôn, liên xã ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc. Ưu tiên việc sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có; tiếp tục đầu tư các dự án nước sạch nông thôn, cấp thoát nước ở các đô thị, phân đấu đến năm 2005 có 60% dân số nông thôn dùng nước sạch. Huy động mọi nguồn vốn để cải tạo, phát triển mạng lưới điện, phân đấu đến năm 2005 có 100% xã có điện lưới quốc gia. Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành văn hóa - xã hội và các công trình công cộng.

- Về khoa học - công nghệ và môi trường, việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật phải gắn với hiệu quả kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN, sắp xếp và củng cố các doanh nghiệp nhà nước, phát triển đa dạng các loại

hình kinh tế hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi ở tất cả các ngành nghề; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại gia đình để khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển ở tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm; không hạn chế cả quy mô, trình độ và thời gian hoạt động. Đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, chủ yếu trên lĩnh vực thị trường, tín dụng và tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm phát huy nội lực và tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương, phát huy hơn nữa nguồn vốn của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển. Quản lý chặt chẽ các loại đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng, ngăn chặn có hiệu quả việc mua bán đất trái phép; quy hoạch lại quỹ đất công, xây dựng cơ sở hạ tầng để gọi vốn đầu tư. Dành vốn ngân sách để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, nhập, sản xuất, cung ứng, đổi mới giống cây trồng, vật nuôi. Đổi mới cơ chế, chính sách giao đất, giao rừng. Tiếp tục cải cách hành chính trong tiếp nhận, giải quyết các dự án đầu tư. Khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất các mặt hàng có thị trường tiêu thụ mà tỉnh có tiềm năng lớn như: cà phê, chè, rau, hoa quả. Thực hiện giá cho thuê đất hợp lý để thu hút vốn đầu tư.

Để phát triển văn hóa - xã hội, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp chính bao gồm:

- Nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo theo quy hoạch và kế hoạch, đáp ứng nhu cầu của xã hội và trình độ phổ cập giáo dục của địa phương; phát triển sự nghiệp giáo dục theo hướng xã hội hóa. Thực hiện chuẩn hóa và nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ giáo viên; quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm. Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ ngân

sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu chính sách để thu hút nhân tài. Khuyến khích các hình thức tự học; coi trọng công tác giáo dục hướng nghiệp; khuyến khích phát triển đa dạng các hình thức dạy nghề. Sớm hoàn thành công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp trong toàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đa dạng hóa các hình thức chăm sóc nâng cao sức khỏe cho nhân dân theo quan điểm dự phòng, phát huy vai trò y tế nhà nước; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, tập trung chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân tại tuyến y tế cơ sở. Phấn đấu năm 2005 có 100% trẻ em trong độ tuổi thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng; giảm tỷ lệ trẻ em dưới bị suy dinh dưỡng xuống dưới 25%. Nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ cán bộ, viên chức y tế và tăng cường cho cơ sở. Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế và thực hiện có hiệu quả chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Trên cơ sở xã hội hóa các hoạt động văn hóa, chú trọng bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc trên đất Lâm Đồng; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa nhằm ngăn chặn có hiệu quả những văn hóa phẩm độc hại và các tệ nạn xã hội; tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 5 (khóa VIII) và Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy (khóa VI) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phát huy vai trò chức năng của thông tin đại chúng. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, đồng thời phát hiện, bồi dưỡng đào tạo vận động viên năng khiếu, phát triển các hoạt động thể dục - thể thao thành tích cao. Chăm lo giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của xã hội và các phong trào đền ơn đáp nghĩa, thực hiện các chính sách hậu phương quân đội...



# HỘI THẢO PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐÀ LẠT

**T**rong hai ngày 22 và 23.5.2001, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã phối hợp với Trường Đại học Đà Lạt tổ chức hội thảo "Phát triển du lịch Đà Lạt". Tại Hội thảo các tham luận, thảo luận đã tập trung theo các chủ đề sau:

- Định hướng quy hoạch du lịch Đà Lạt
- Quy hoạch sản phẩm du lịch Đà Lạt
- Quản lý thành phố và xã hội du lịch

Qua các chủ đề, đã có những ý kiến đóng góp rất bổ ích của các đồng chí là lãnh đạo của tỉnh, các sở ban ngành, các nhà khoa học đang công tác tại Trường Đại học Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh, các doanh nhân đang kinh doanh trong lĩnh vực du lịch của tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt.

## ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

- Vị thế Đà Lạt rất mạnh ở khu vực. Đà Lạt có thế liên kết du lịch rừng-biển với các địa phương như Nha Trang, Vũng Tàu; liên kết với du lịch Tây Nguyên và du lịch Đông Nam Á, đặc biệt còn có thể liên kết giải quyết các nhu cầu du lịch-nghỉ dưỡng cho các khu công nghiệp lớn của thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. Điều này đòi hỏi các nhà quản lý lãnh thổ và quản lý ngành du lịch phải nhìn nhận lại để xây dựng một quy hoạch thống nhất giữa quy hoạch phát triển ngành và quản lý lãnh thổ, xây dựng khối liên kết và hợp tác chặt chẽ, khai thác tối đa trí tuệ các tổ chức, đoàn thể, nhân dân tại địa phương và cả trong khu vực.

- Hiện nay đã có đủ những cơ sở cần yếu để nghĩ đến chủ trương quy hoạch Đà Lạt thành một trung tâm du lịch-nghỉ dưỡng, trung tâm khoa học-giáo dục và chính trị-văn hoá của cả nước. Địa phương cần phải sớm bắt tay vào việc làm quy hoạch phát triển cho thành phố Đà Lạt để định hướng chung cho các hoạt động kinh tế du lịch.

- Đà Lạt có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để quy hoạch và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù về du lịch sinh thái và du lịch văn hoá.

- Thành phố cần sớm chọn mô hình phát triển lâu dài, nhất quán trong quy hoạch phát triển.

- Về quy hoạch du lịch Đà Lạt, cần nhìn ở góc độ không gian nhiều chiều, không dừng lại ở ranh giới hành chính mà phải bao gồm cả vùng phụ cận. Quy hoạch du lịch Đà Lạt phải được gắn với phát triển

ngành kinh tế-văn hoá-xã hội vì phát triển các ngành kinh tế-văn hoá-xã hội có tác động hữu cơ tạo thành tổng lực để phát triển công nghiệp du lịch Đà Lạt. Đà Lạt phải gắn việc phát triển trung tâm du lịch nghỉ dưỡng với giáo dục đào tạo, phát triển văn hoá và nghiên cứu khoa học.

## QUY HOẠCH SẢN PHẨM DU LỊCH

- Cần phải đa dạng các sản phẩm du lịch, phải củng cố, tôn tạo, nâng cao chất lượng những sản phẩm đặc trưng của du lịch Đà Lạt, đồng thời tạo ra nhiều sản phẩm mới để thu hút du khách. Quy hoạch du lịch, quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch xây dựng tổng thể hay chi tiết cho thành phố Đà Lạt nhất thiết phải chú trọng đến môi trường vì chính môi trường là một trong những sản phẩm giúp cho du lịch được phát triển. Mục tiêu quan trọng khi quy hoạch, phát triển du lịch phải được đánh giá kỹ về ảnh hưởng và sự tác động đến môi trường. Phải đảm bảo độ trong lành mát mẻ, sự yên tĩnh sạch đẹp, văn minh lịch sự và phát huy bản sắc văn hoá giàu lòng nhân ái của người Đà Lạt.

- Cảnh quan kiến trúc của thành phố trong rừng, thành phố hoa, một nét đẹp quy hoạch vốn có của Đà Lạt đang cầu cứu vì sự chen lấn của các ngôi nhà hình ống với kiểu dáng giống nhau đơn điệu.

- Các sản phẩm du lịch văn hoá của Đà Lạt còn nghèo nàn và thiếu hấp dẫn đối với du khách. Đã đến lúc phải huy động các nguồn lực và trí tuệ của toàn dân để khai thác tiềm năng văn hoá đa thanh sắc của các nhóm cư dân Đà Lạt nhất là nền văn hoá bản địa.

Trước mắt, cần sắp xếp lại việc kinh doanh, phục vụ du khách tại các thắng cảnh. Việc này UBND Tỉnh cần chỉ đạo kiên quyết, nhất là các thắng cảnh thuộc các công ty do tỉnh quản lý.

## THÀNH PHỐ VÀ XÃ HỘI DU LỊCH

- Tỉnh cần có chính sách đầu tư hợp lý, phải có những chính sách đầu tư và hành lang pháp lý thoáng mở như miễn giảm thuế đất, ngân sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, cũng như cần có cơ chế quản lý hệ thống danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, quản lý lực lượng hướng dẫn viên du lịch, đội ngũ nhiếp ảnh và dịch vụ lễ hành. Cần sớm xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cho các sản phẩm du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế để quản lý thành phố.

- Về văn hoá du lịch, Thành phố cần tiến hành giáo dục cộng đồng về văn minh giao tiếp du lịch, phát huy phong cách người Đà Lạt, trước mắt là ở các nơi thường giao tiếp với du khách như chợ, nhà hàng, khách sạn, bến xe và phải có những quy chế hướng dẫn cho nhân dân, người làm các dịch vụ chung và dịch vụ du lịch. Kiên quyết bảo vệ và tôn tạo môi trường Đà Lạt, xây dựng thành xã hội du lịch.



Qua những ngày hội thảo về phát triển du lịch Đà Lạt, UBND thành phố Đà Lạt đã ghi nhận được một số ý kiến đóng góp:

- Cần phối hợp cơ quan quản lý ngành để tham mưu giúp Tỉnh có cơ chế quản lý riêng, thích hợp cho việc điều hành, bảo vệ và phát triển thành phố trong hoạt động du lịch.

- Việc nghiên cứu xây dựng và thực thi những quy chế riêng của thành phố để bảo vệ môi trường tự nhiên-xã hội cho du lịch bền vững đã trở thành một vấn đề cần thiết và cấp bách mà địa phương cần sớm bắt tay thực hiện.

- Địa phương cần nghiên cứu và tổ chức chương trình hoạt động để huy động toàn dân Đà Lạt tham gia làm kinh tế du lịch, đặc biệt là trong việc bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc bản địa cho du lịch.

- Địa phương cũng cần có kế hoạch đào tạo và giáo dục nghiệp vụ du lịch, văn hoá du lịch cho toàn dân và cho các nhân viên trực tiếp tham gia hoạt động du lịch. Đặc biệt, thành phố cần có chủ trương trong việc nghiên cứu xây dựng và đưa vào giảng dạy chương trình giáo dục về văn hoá du lịch cho học sinh phổ thông các cấp.

- Cùng với các ngành và hiệp hội du lịch thúc đẩy nhanh công tác tiếp thị và tham gia các tổ chức du lịch khu vực và quốc tế.

- Thành phố cần ưu tiên tổ chức hoặc bảo lãnh cho các nghiên cứu khoa học phục vụ cho phát triển du lịch địa phương. Đặc biệt trong giai đoạn 2001-2005 cần sớm thúc đẩy một chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản để thu thập được bộ chỉ số đầu vào cần thiết và tin cậy phục vụ cho việc hoạch định

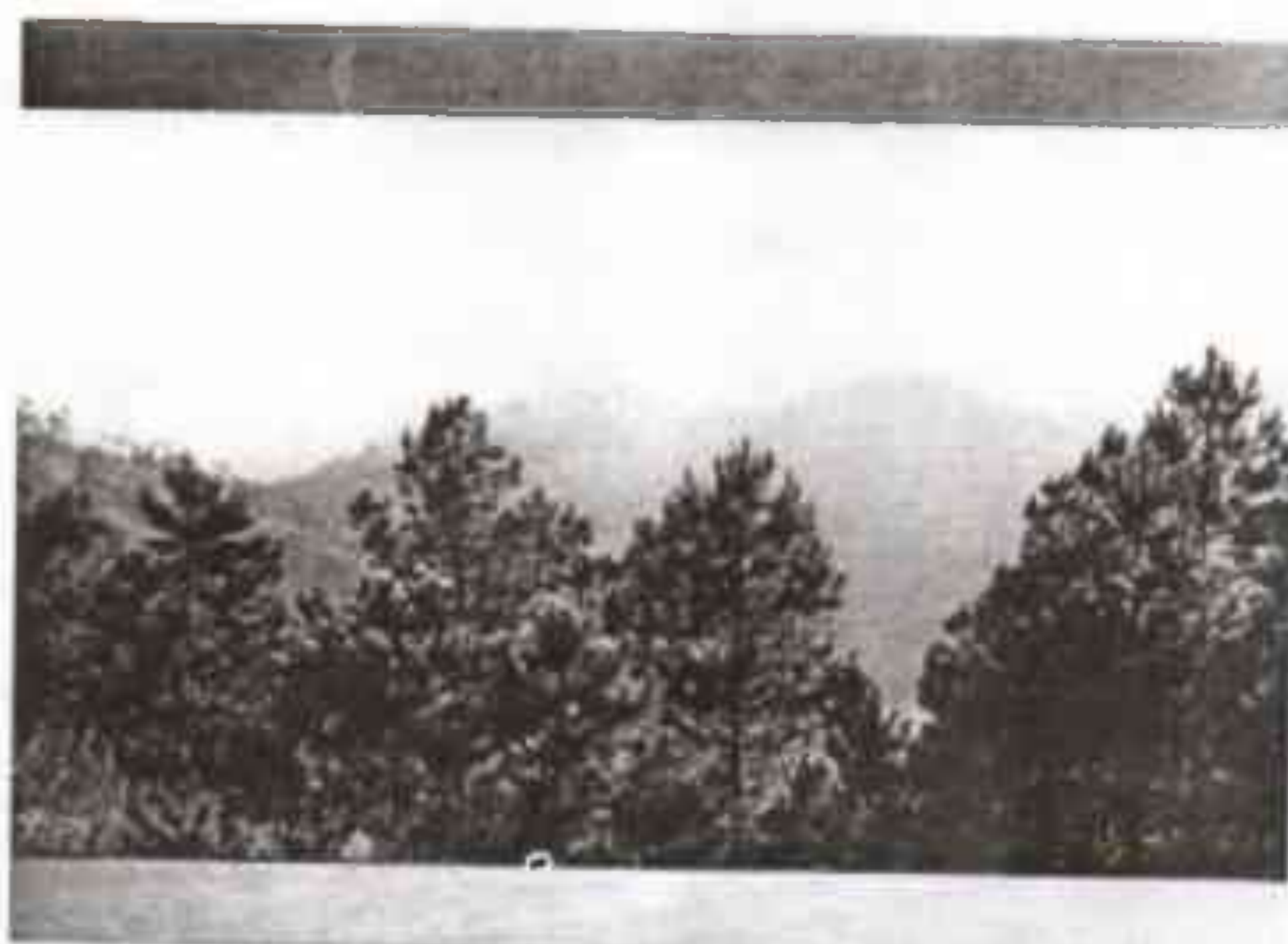
chính sách phát triển du lịch địa phương, nhất là trong lúc thành phố đang biên soạn Địa chí Đà Lạt.

Hội thảo đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người dân vì người dân vừa là chủ nhân sáng tạo sản phẩm du lịch vừa chính là một loại sản phẩm du lịch. Đã đến lúc chúng ta phải phấn đấu cho khẩu hiệu "toàn dân làm du lịch". Chính quyền địa phương cần có những chủ trương và chính sách để động viên và thu hút sự tham gia của người dân từ những đóng góp cho hoạch định chính sách đến việc trực tiếp tham gia hoạt động du lịch.

Nhu cầu truyền thông và tiếp thị cho du lịch Đà Lạt cũng được đặt ra tại hội thảo như là một trong những nhu cầu cấp bách và quan trọng phải tập trung thực hiện trong thời gian tới. Các cơ quan truyền thông đại chúng và các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp phải chủ động hợp tác để thực hiện việc này. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cũng cần có chỉ đạo và định hướng nhất quán để tăng cường các hoạt động truyền thông, tiếp thị cho du lịch Đà Lạt. Đây sẽ là một công cụ quản lý kinh tế du lịch rất quan trọng và cũng là một đòn bẩy hữu hiệu cho việc thúc đẩy ngành kinh tế này tại địa phương.

Hội thảo cũng nhận định, với những háo cáo tham luận trong hội thảo lần này, cần biên tập thành kỷ yếu hội thảo để có thể làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho công tác phát triển du lịch Đà Lạt thời gian đến.

*Nguồn: Báo cáo tổng kết Hội thảo  
Phát triển du lịch Đà Lạt  
của UBND thành phố Đà Lạt*





# Xử lý thoát nước thải đô thị Đà Lạt

TRƯƠNG TRỐ

PGĐ Sở, thành viên Ban chỉ đạo dự án

PHAN VĂN ĐÁT

Chuyên viên công nghệ, môi trường thuộc Ban chỉ đạo dự án

**Đ**à Lạt là tỉnh lỵ của Lâm Đồng, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, du lịch của tỉnh và cả nước. Trước đây nguồn nước cấp cho thành phố được lấy từ hồ Xuân Hương và hồ Than Thở, nhưng hai hồ này hiện tại gần như là nguồn tiếp nhận các nguồn nước thoát của Đà Lạt, cuốn theo nhiều chất thải sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, vì vậy về lâu dài không thể là nguồn cung ứng nước cấp cho nhà máy nước Đà Lạt. Được sự tài trợ của chính phủ Đan Mạch, Đà Lạt đã có một hệ thống cấp nước mới, nguồn nước được lấy từ hồ Suối Vàng, một nơi có chất lượng nước được đánh giá là rất tốt. Tuy nhiên do dân cư đô thị ngày một tăng và tình hình nước thải của thành phố ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường như thác Cam Ly, suối Phan Đình Phùng thường có mùi xú uế. Hồ Xuân Hương, hồ Than Thở là những thắng cảnh, cũng là những nguồn cấp nước dự phòng của thành phố cho nên không thể là nơi tiếp nhận nước thải sinh hoạt. Vì vậy dự án "Cải thiện điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt" đã ra đời, như là một dự án nối dài của dự án cấp nước, đây là một dự án tách nước mưa khỏi nước thải sinh hoạt và sau đó xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

## I. Mục tiêu của dự án

Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung đủ đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải và chất thải hầm cầu nhằm cải thiện điều kiện sống cho người dân Đà Lạt, thông qua việc cải thiện điều kiện vệ sinh của hệ thống thoát nước một cách bền vững về tài chính, xã hội, môi trường và ở mức chi phí người nghèo có thể chấp thuận được.

### Các hạng mục dự án sẽ thực hiện:

- Chương trình truyền thông nâng cao ý thức về sức khỏe và vệ sinh trong cộng đồng.
- Xây dựng hệ thống thoát và xử lý nước thải
- Cải thiện các điều kiện vệ sinh tại khu trung tâm, vùng ven thành phố.
- Cải tạo một số suối thoát nước chính như suối Phan Đình Phùng, suối Cam Ly.

## II. Quy mô dự án

### 1. Các thông số thực hiện

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu đến năm 2010-2020.
- Lưu lượng nước thải bình quân 150lít/người/ngày
- Tổng lượng nước thải của khu vực I đến năm

2020 là 9.10m<sup>3</sup>.

- Đường ống chính F200-F600 dài khoảng 37,5km
- Đường ống nhánh F150 - F200 dài khoảng 6,5km
- Đường ống đấu nối với hộ gia đình F100 dài khoảng 7,5km
- Đường ống F400 - F450 từ trạm bơm chính đến nhà máy xử lý khoảng 3km
- 1480 hố gas.
- Có 331 hộ liên quan đến vấn đề đền bù, giải tỏa. Trong đó có 16ha đất bị giải tỏa, 6.500m<sup>2</sup> nhà cần di dời.
- Cải tạo và xây dựng mới khoảng 4.200 bể tự hoại và 2.100 nhà vệ sinh.
- Cải tạo suối Phan Đình Phùng, Cam Ly tổng chiều dài khoảng 4km, với phương án kê đá và bê tông nền và hai bờ.

### 2. Tổng mức vốn đầu tư

Tổng mức vốn đầu tư cho dự án 321 tỷ đồng Việt Nam (tương đương 160,5 triệu ĐKK), trong đó có 80% của Chính phủ Đan Mạch tài trợ dưới hình thức viện trợ không hoàn lại.

### 3. Tính toán lượng nước thải

Cơ sở tính toán dựa vào dự báo tăng dân số đến năm 2020

Ước tính lưu lượng nước thiết kế cho hệ thống thoát nước (Lít/ người/ngày)		
Các thông số	Năm 2010	Năm 2020
Tiêu dùng nước cho sinh hoạt (hộ gia đình)	100	120
Thương mại	5	5
Cơ quan hành chính sự nghiệp	10	10
Sản xuất	5	5
Du lịch	25	30
Tổng lượng nước tiêu dùng	145	170
Nước chảy vào hệ thống nước thải (80% tổng nước tiêu thụ)	115	135
Lượng nước rò rỉ (10% của tổng lượng nước vào hệ thống thoát nước)	10	15
<b>Lưu lượng nước thiết kế cho hệ thống thải</b>	<b>125</b>	<b>150</b>



Tiêu chuẩn thiết kế đối với kích thước đường ống và quy mô các trạm bơm phải được xác định bằng 50% độ đầy đường ống vào năm 2010 và 80% vào năm 2020.

Hệ thống thoát nước thải bao gồm một hệ thống cống trục chính (5% tổng chiều dài), một hệ thống cống nhánh (80% tổng chiều dài) và các đường ống thu gom (15% tổng chiều dài).

Tại các vùng có địa hình bằng phẳng và trũng sẽ lắp đặt các trạm bơm và các trạm chuyển tiếp tương ứng. Các bơm thoát nước đặt ngầm dưới nước trong các hố ga bê tông.

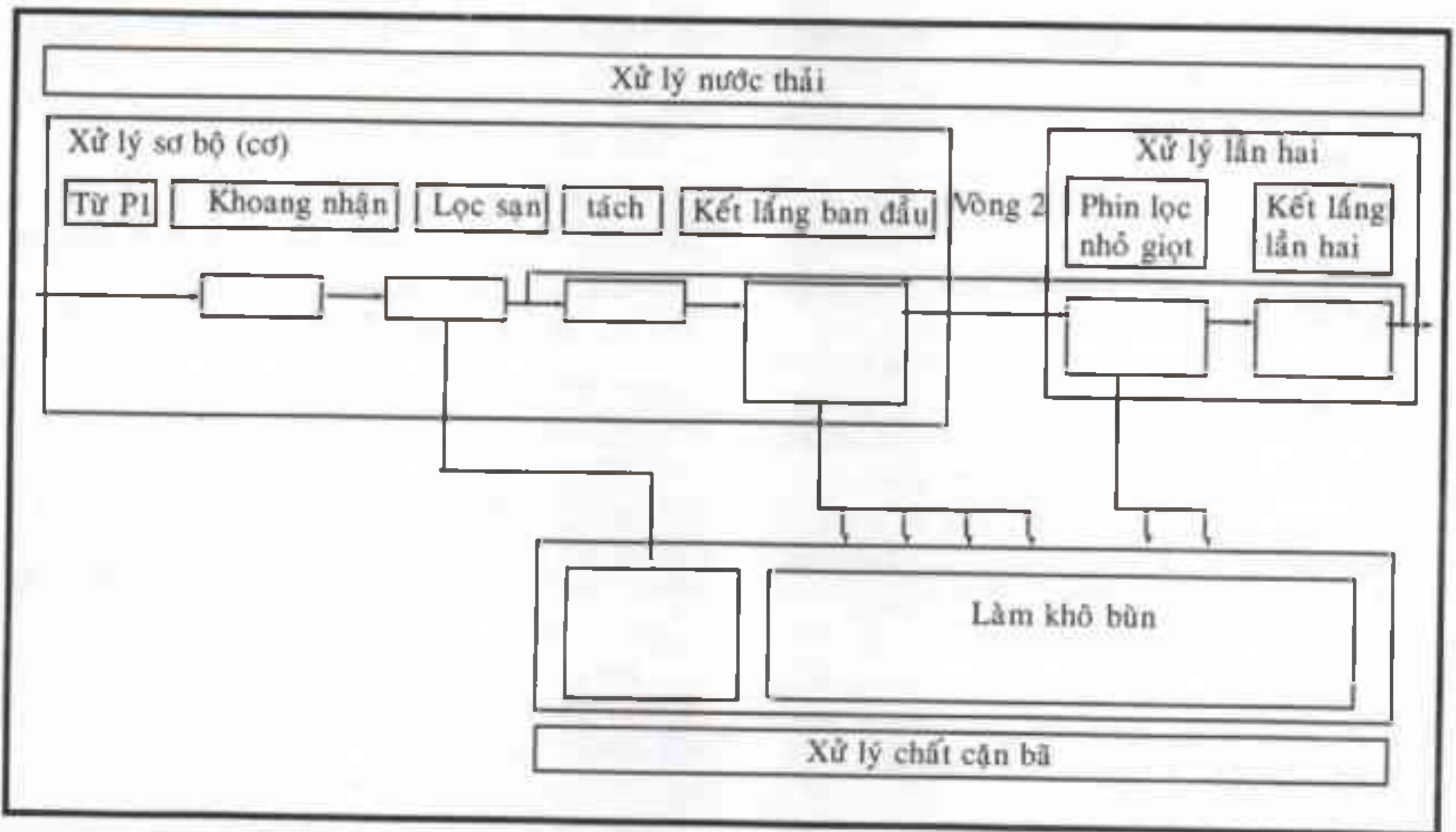
### III. Hệ thống xử lý: Sử dụng công nghệ lắng cơ học và lọc sinh học nhỏ giọt

**Xử lý sơ bộ (cơ học):** nước thải sau khi loại trừ rác thô, được bơm chính P1 chuyển tới khoang tiếp nhận, qua khoang lọc sạn với tốc độ chậm (0.3m/s) nhờ máng Venturi được đặt ở phần dưới mỗi khoang để lắng đọng cát sỏi sạn, các phần tử nhỏ. Từ khoang

lọc sạn nước thải được chuyển vào bể lắng thứ nhất loại bỏ chất thải rắn và dạng kết bông trong nước thải. Để đồng thời ổn định được bùn lắng đọng, các bể lắng đều thuộc dạng bể lắng hai vỏ. Bể lắng hai vỏ có hai ngăn riêng biệt, ngăn trên diễn ra quá trình kết lắng, ngăn dưới dùng để chứa và ổn định bùn lắng.

**Xử lý sinh học:** Quá trình ổn định bùn diễn ra trong các điều kiện kỵ khí, giữa hai ngăn có một vùng đệm phân tách. Ngăn chứa bùn được thiết kế cho thời gian lưu giữ 120 ngày.

Từ mỗi bể trong số 4 bể lắng hai vỏ, nước thải được chuyển sang khoang lọc nhỏ giọt thông với chúng. Các bể lọc nhỏ giọt được xây dựng từ các bể lọc cát hoạt động gián đoạn (chạy một lúc lại dừng rồi lại chạy tiếp). Nhân tố tích cực và hữu hiệu của các bể lọc loại này là hoạt động sinh học. Hoạt động này phụ thuộc vào sự thông hơi chuẩn xác (lọc sinh học cao áp) bảo đảm được sự phân huỷ hiếu khí của vi sinh.



### IV. Kết luận

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung ở Đà Lạt là một dự án lần đầu được thực hiện tại Việt Nam. Khi dự án hoàn thành Đà Lạt sẽ sạch đẹp hơn, xứng đáng với tên gọi thành phố ngàn hoa. Chính quyền cũng như nhân dân Đà Lạt có lẽ sẽ mạnh dạn đăng ký danh hiệu "Thành phố xanh, sạch và đẹp nhất nước". Tuy nhiên trước mắt dự án này cũng đem lại những xáo trộn không nhỏ trong đời sống ở địa phương như sẽ di dời một số hộ, các tuyến đường trung tâm thành phố lại bị đào bới, việc đấu nối của

từng hộ vào hệ thống và cuối cùng là các điều kiện kỹ thuật, kinh tế để duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải đô thị một cách ổn định, bền vững là mối quan tâm lớn của chính quyền và nhân dân thành phố Đà Lạt.

#### Nguồn:

- Nghiên cứu khả thi về thoát nước vệ sinh
- Hạng mục cải tạo điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt
- Các báo cáo tiến độ thực hiện Dự án



# Cải cách hành chính với ISO-9000

NGUYỄN MINH TÂM

Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Lâm Đồng

**C**ải cách hành chính với đất nước ta hiện nay đang là một đòi hỏi mang tính cấp bách. Đó là một nhân tố quan trọng để thực hiện thành công quá trình đổi mới, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối với chúng ta, cải cách hành chính cũng là sự chuyển đổi từ một nền hành chính truyền thống mang tính quản lý, sang một nền hành chính phát triển, nền hành chính của dân, do dân và vì dân, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. Nền hành chính mới này phải lấy sự phục vụ nhân dân là mục tiêu, đó chính là dịch vụ hành chính vì dân. Cũng như các loại hình dịch vụ khác, việc đảm bảo và nâng cao chất lượng của hoạt động này có thể sử dụng các hệ thống quản lý chất lượng thích hợp.

ISO-9000 là tiêu chuẩn về một hệ thống quản lý chất lượng. Các thành công của việc ứng dụng nó trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và cả trong dịch vụ hành chính trên thế giới, khiến nó trở nên một trong những giải pháp có thể chọn lựa cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công của chúng ta hiện nay.

## Một số vấn đề của dịch vụ hành chính công hiện nay

Dịch vụ công là một khái niệm mới đối với nền hành chính nước ta. Dịch vụ công là những hoạt động thực thi các chức năng quản lý nhà nước và đảm bảo phục vụ cho lợi ích chung tối cần thiết của xã hội, do các cơ quan công quyền hay các chủ thể khác được ủy quyền thực hiện. Điều này xuất phát từ các nhiệm vụ cơ bản của nhà nước, mà khái quát có thể coi là gồm hai mảng quan trọng.

Thứ nhất, đó là những hoạt động ban hành văn bản pháp quy, hoạch định chiến lược, chính sách để quản lý và phát triển đất nước sao cho có kỷ cương trật tự. Việc này là nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Hoạt động này là thể hiện quyền lực của nhà nước, không một tổ chức nào ngoài nhà nước có thể có được và nhà nước cũng không thể trao cho bất kỳ tổ chức tư nhân nào. Các hoạt động này do các cơ quan công quyền thực hiện.

Thứ hai, việc cung ứng các dịch vụ công cho các tổ chức và công dân. Đó là các dịch vụ vì xã hội, mà các tổ chức tư nhân không muốn làm hoặc nếu tổ chức tư nhân làm thì có khả năng không cung cấp đầy đủ và tạo sự không công bằng hay thiệt hại lợi ích cho người tiêu dùng. Ví dụ, dịch vụ cứu hỏa, dịch vụ thoát nước, vệ sinh đô thị, dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục, cung cấp điện, nước... Việc này đáp ứng

các nhu cầu cần thiết hàng ngày của tổ chức và công dân. Tùy theo tính chất của dịch vụ cụ thể, nhà nước có thể ủy quyền cho các tổ chức tư nhân và giám sát sự thực hiện.

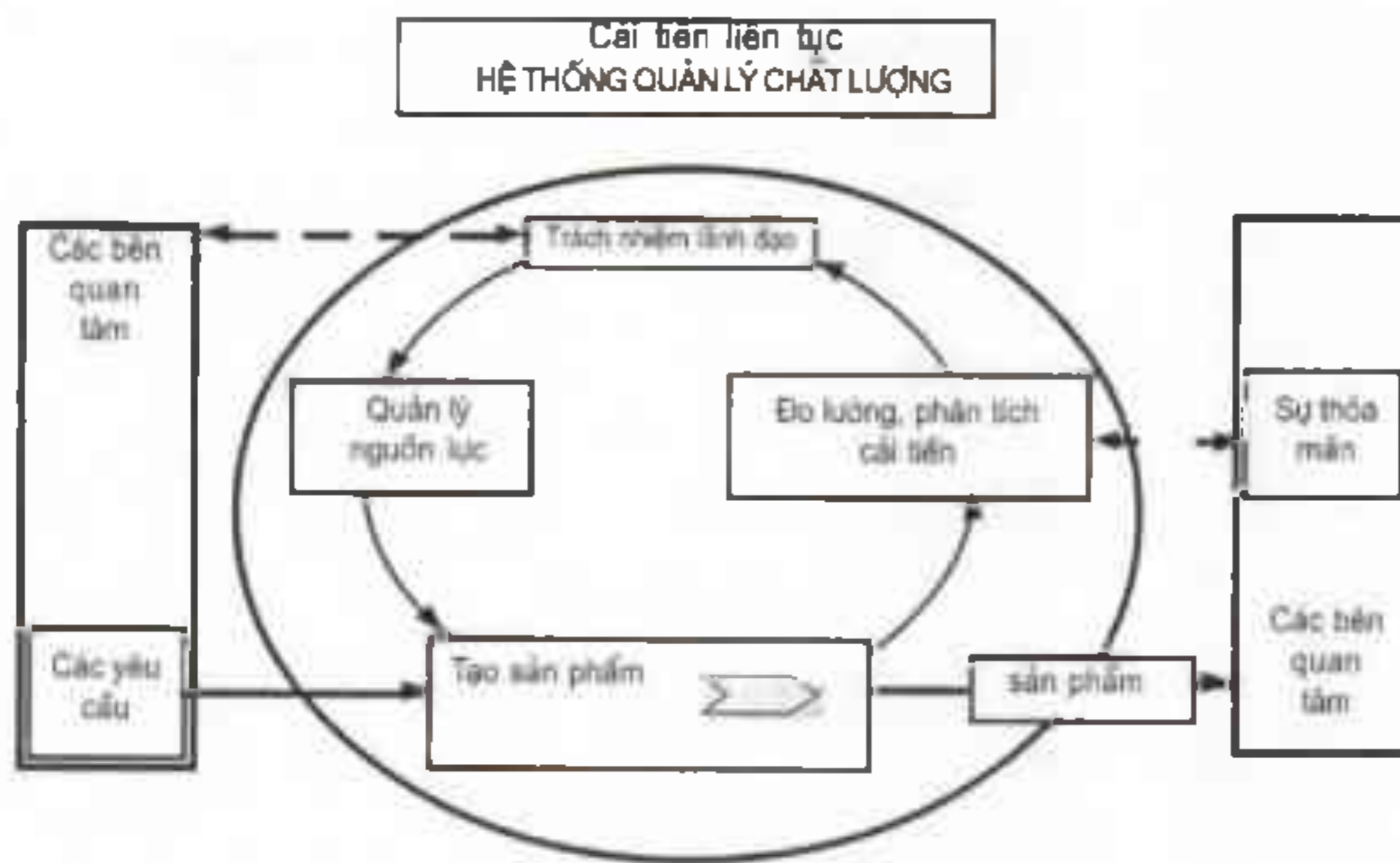
Vấn đề chúng ta đề cập ở đây là chủ yếu về dịch vụ hành chính công, các hoạt động thực hiện chức năng quản lý hành chính, do các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trực tiếp đảm nhận. Các dịch vụ này ít nhiều mang tính bắt buộc, yêu cầu các công dân phải tuân thủ. Trước đây, người ta thường nhấn mạnh đến mặt quyền lực của nhà nước. Ngày nay, xu thế chung các cuộc cải cách hành chính trên thế giới, khía cạnh phục vụ của nhà nước với nhân dân ngày càng được nhấn mạnh. Điều đó có nghĩa nhà nước phải coi nhân dân là khách hàng, cần nghiên cứu các nhu cầu của dân để thực hiện các hoạt động phục vụ, lấy việc thỏa mãn các nhu cầu đó là tiêu chí quan trọng hàng đầu để đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

Cùng với tính chất đặc biệt là gắn với quyền lực, dịch vụ hành chính công có các đặc điểm cơ bản là:

- hoạt động vì lợi ích chung;
- phục vụ nhu cầu thiết yếu của cộng đồng;
- do các cơ quan công quyền hoặc cơ quan được nhà nước uỷ nhiệm cung ứng;
- trao đổi trên thị trường không đầy đủ. Thông thường người sử dụng không trực tiếp trả tiền, trả ở dạng thuế. Một số dịch vụ cụ thể có thể phải trả bằng tiền một phần hay toàn bộ, song nhà nước cũng không nhằm mục tiêu lợi nhuận;
- khác với dịch vụ thông thường (tạo ra sản phẩm không mang hình thái hiện vật), dịch vụ công là các hoạt động phục vụ các nhu cầu thiết yếu của xã hội, không kể sản phẩm tạo ra có thể ở hình thái hiện vật hay phi hiện vật. Sản phẩm thường có độ phức tạp rất khác nhau, khó đánh giá chất lượng;
- mọi người đều có quyền tiếp cận;
- người này sử dụng không ảnh hưởng đến người khác.

Chính từ các đặc điểm này, ta thấy trong dịch vụ hành chính công, mối quan tâm của hai bên thực sự chưa có điểm chung trực tiếp rõ ràng. Điều này dẫn đến không tạo ra động lực trực tiếp thúc đẩy tính tích cực của người cung cấp dịch vụ. Hơn thế nữa, tính chất của sự trao đổi không đầy đủ và ảnh hưởng quyền lực dễ làm nảy sinh việc lạm dụng quyền hay lợi dụng quyền để mưu cầu lợi riêng. Đặc biệt là do





kiểm tra, đánh giá chất lượng khó, càng làm việc quản lý chất lượng dịch vụ hành chính trở nên cần thiết phải có sự quan tâm đúng mức và có phương pháp khoa học.

Thường xuyên cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của nhà nước là một quy luật khách quan. Ở nước ta, nó còn là một đòi hỏi khách quan cấp bách của quá trình đổi mới và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Mục tiêu cơ bản của cải cách hành chính là xây dựng một nền hành chính trong sạch và có đủ năng lực, sử dụng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống của nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật.

Hoạt động cải cách hành chính những năm qua, chúng ta đã nhận được những kết quả đáng kể. Về thể chế và thủ tục hành chính, bước đầu thực hiện việc công khai hoá. Bộ máy tổ chức hành chính bước đầu được sắp xếp lại, trên cơ sở phân công phân nhiệm rõ ràng hơn. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của nhiệm vụ đang được triển khai tích cực. Các quan điểm về cải cách cũng dần được bổ sung và hoàn thiện. Tuy các thành công bước đầu của cải cách hành chính là quan trọng, song vẫn còn rất khiêm tốn. Nền hành chính của ta, nhìn chung còn mang đậm dấu ấn của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Đúng như Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: *"Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy nhà nước còn chồng chéo, trùng lặp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà... gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển."*

Một trong những rào cản cơ bản của cải cách hành chính trong thời gian qua là do nhận thức và quyết tâm, tri thức, năng lực thực hành của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trung cao cấp; áp lực xã hội

thể hiện ở: sự đồng tình, ủng hộ, tham gia.

Đội ngũ cán bộ công chức là chủ thể tiến hành cải cách hành chính và cũng đồng thời là đối tượng của cuộc cải cách này. Nhưng như Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) nhận định *"nhìn chung đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*. Tâm lý và tác phong làm việc vẫn còn mang nhiều ời kỳ bao cấp cũ, cũng như những đặc

điểm nguồn gốc xuất thân là người nông dân Việt Nam. Hơn thế, cải cách hành chính là vấn đề nhạy cảm, có ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều người, nhiều cấp, đến từng cá nhân, từng cơ quan, từng vị trí nhất định... đó là một rào cản lớn cho việc cải cách hành chính.

Quần chúng nhân dân không phải là chủ thể, cũng không phải là đối tượng của cải cách hành chính. Nhưng lại có vai trò to lớn trong cải cách hành chính, vì họ là người chủ thực sự của nhà nước và cũng là khách hàng của dịch vụ hành chính công. Trên khía cạnh người chủ, họ trao quyền cho nhà nước, họ đóng thuế để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước đó. Trên khía cạnh người chủ, nhu cầu của họ là đầu vào cho các hoạt động dịch vụ hành chính công, có thể coi như điểm khởi đầu cho việc xác định các quá trình cơ bản của các cơ quan công quyền. Nhưng họ lại là những người thiếu thông tin, chịu ảnh hưởng nặng tâm lý của người sản xuất nhỏ, nhận thức về vai trò của mình trong cải cách hành chính còn hạn chế.

Hoạt động hành chính ở địa phương, ngoài các điểm nêu trên, còn có một số điểm nổi bật hơn nữa là: việc nhận định nhiệm vụ của các tổ chức ở địa phương chưa rõ ràng, các hoạt động phối hợp kém hiệu quả, do ảnh hưởng của các văn bản hướng dẫn nhiều và chồng chéo, công tác biên chế cán bộ thể hiện nhiều bất cập, hiệu quả kém, công tác kiểm tra việc thực thi công vụ chưa thực hiện tốt, để tồn tại các hiện tượng gây phiền hà cho dân không được giải quyết.

Để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cải cách hành chính cần nhiều giải pháp trên các mặt một cách đồng bộ. Song đứng trên góc độ chất lượng hoạt động dịch vụ hành chính công, ta có thể cần phải nhấn mạnh vai trò của người lãnh đạo, việc xác định nhu cầu của khách hàng, quản lý có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực, tạo ra sự minh bạch hóa các chức năng và phương pháp làm việc của các tổ chức, tăng cường hoạt động kiểm



tra và cải tiến thường xuyên cho các quá trình thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Đây có thể chính là điểm gặp lý thú giữa ISO-9000 và giải pháp cho cải tiến chất lượng dịch vụ hành chính công.

### ISO-9000 ứng dụng trong dịch vụ hành chính công

ISO-9000 là bộ tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng, do tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO) ban hành. Bộ tiêu chuẩn này mô tả, xác định các yêu cầu và nội dung cơ bản của hệ thống quản lý chất lượng của một tổ chức, nhằm đảm bảo rằng chất lượng của các sản phẩm hoặc dịch vụ của các tổ chức đó luôn có khả năng thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng và các yêu cầu liên quan khác.

Bộ tiêu chuẩn này được ISO ban hành từ 1987, được soát xét lại lần gần nhất là 2000. Khác với cách tiếp cận của các phiên bản trước - tiếp cận theo các yếu tố, phiên bản năm 2000 có phương thức tiếp cận khác hơn - theo các quá trình. Nếu các phiên bản trước thuận tiện trong áp dụng cho lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hữu hình, thì phiên bản mới đã có các dung hòa tốt hơn trong việc nâng cao khả năng ứng dụng có hiệu quả vào lĩnh vực dịch vụ. Hơn thế nữa, phiên bản mới chú ý nhiều đến việc cải tiến liên tục của tổ chức, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và thỏa mãn ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng.

Để lãnh đạo và vận hành thành công một tổ chức phải đòi hỏi quản lý tổ chức đó một cách hệ thống và rõ ràng. Sự thành công tùy thuộc vào việc áp dụng và duy trì một hệ thống quản lý được thiết kế để cải tiến thường xuyên hiệu lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức bằng cách xem xét nhu cầu của các bên quan tâm. Quản lý một tổ chức bao gồm cả quản lý chất lượng nằm trong số các môn quản lý khác. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO-9000 không đòi hỏi các tổ chức phải tổ chức theo một khuôn mẫu chung định sẵn, nó không thay thế các hệ thống quản lý hiện hành, mà phối hợp làm tăng hiệu lực và hiệu quả hoạt động chung của tổ chức. Mô hình của các quá trình trong ISO-9000 thể hiện ở hình vẽ (mũi tên liền là hoạt động tạo giá trị gia tăng, còn nét đứt chỉ dòng thông tin).

Sở dĩ ISO-9000 được coi là một hệ thống quản lý hiệu quả chính vì các nội dung của nó dựa trên sự hợp nhất các nguyên tắc cơ bản của quản lý chất lượng. Đó là:

- Hướng tới sự thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng cả trong hiện tại và tương lai là mục tiêu cơ bản của tổ chức. Tổ chức phụ thuộc khách hàng, sự tồn tại và phát triển của nó phụ thuộc việc đáp ứng yêu cầu của họ.

- Vai trò của lãnh đạo trong xác định mục tiêu, hiện pháp và tạo các điều kiện để huy động tốt nhất

các nguồn lực của tổ chức nhằm thực hiện các mục tiêu đó.

- Vai trò tham gia của mọi thành viên trong tổ chức vì mục tiêu của tổ chức. Đó chính vì cần huy động hiệu quả nguồn nhân lực, nguồn lực quan trọng của bất kỳ tổ chức nào.

- Cách tiếp cận theo quá trình. Kết quả mong muốn sẽ đạt được một cách có hiệu quả hơn, khi các nguồn lực và các hoạt động liên quan được quản lý như một quá trình.

- Tiếp cận hệ thống trong quản lý, tức là: nhận biết, am hiểu và quản lý các quá trình trong mối quan hệ để tổ chức đạt mục tiêu một cách hiệu quả.

- Cải tiến liên tục phải là mục tiêu thường trực của tổ chức. Khi làm điều đó, tổ chức sẽ đạt được sự hoàn thiện liên tục trong việc đạt các mục tiêu của mình.

- Các quyết định phải dựa vào sự kiện, dựa trên số liệu đo lường thực tế.

- Tối ưu hóa lợi ích của tổ chức và các bên liên quan, đây là mối quan hệ tương hỗ. Việc giải quyết tốt quan hệ này tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của tổ chức.

ISO-9000 tạo ra phong cách làm việc khoa học trong tổ chức: trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên (từng bộ phận và cá nhân) rõ ràng, các quy trình công việc rõ ràng, công khai được xem xét cải tiến liên tục, mọi hoạt động định hướng thẳng vào thỏa mãn khách hàng. Sự xem xét toàn diện hơn mối quan tâm của các bên liên quan tạo cơ hội đánh giá và thúc đẩy các dịch vụ hành chính có hiệu quả.

Áp dụng ISO-9000, trong dịch vụ hành chính công sẽ giúp khắc phục sự lạm dụng quyền lực. Nhờ công khai hoá mà phát huy tốt hơn vai trò người dân trong quá trình sử dụng dịch vụ hành chính. Sự phân định rõ ràng nhiệm vụ tạo cơ hội nâng cao trách nhiệm của các cơ quan công quyền, cũng như của các cá nhân, hạn chế các hiện tượng tiêu cực có thể. Chính điều đó yêu cầu các nhân viên phải nâng cao trình độ, kỹ năng và rèn luyện phẩm chất đạo đức thường xuyên. Tổ chức sẽ huy động các nguồn lực một cách hợp lý nhất làm tăng hiệu quả hoạt động chung.

ISO-9000 đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm sử dụng vào hoạt động cải cách hành chính. Năm 1996, Malaysia áp dụng bắt buộc ISO-9000 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước. Và đến cuối 1999, Malaysia đã có hơn 300 cơ quan được cấp chứng chỉ, dự kiến còn khoảng 400 cơ quan khác sẽ được đánh giá và cấp chứng chỉ trong khoảng 2000-2001. Chính phủ Malaysia cho rằng ISO-9000 và hệ thống thông tin cao cấp đa chiều là điều kiện để cải cách hành chính thành công. Ấn Độ cho rằng ISO-9000 là



một trong các yếu tố giúp nền hành chính đạt các tiến bộ lớn, đặc biệt là trong quan hệ với công dân, một điểm nổi tiếng xấu trước đây vì quan liêu, trì trệ, tham nhũng... Singapo khuyến khích mọi cơ quan chính phủ áp dụng ISO-9000. Họ cho rằng ISO-9000 là điều kiện tối thiểu để làm việc một cách khoa học ở bất cứ cơ quan nào và đã có các chính sách khuyến khích vật chất thích hợp với các cơ quan áp dụng. Ngay với Mỹ, từ năm 1993, chính phủ đã công bố điều luật về dịch vụ hành chính của chính phủ. Trong đó yêu cầu các cơ quan chính phủ phải xác định khách hàng, nhu cầu của họ, bằng mọi cách thỏa mãn các nhu cầu đó, thường xuyên đánh giá chất lượng công việc với các tiêu chí nâng cao thông qua so sánh chuẩn (Benchmarking) và phải đảm bảo thông tin đầy đủ cho khách hàng lựa chọn các dịch vụ và nơi phục vụ mà họ cần. Các nội dung đó hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu ISO-9000. Năm 1997, Tổ chức năng suất châu Á (APO) tổ chức một hội thảo về ISO-9000 áp dụng trong dịch vụ hành chính. Hội thảo thống nhất ở một số khuyến nghị, trong đó có việc xác định vai trò quan trọng nhất của chính phủ trong cải tiến dịch vụ hành chính, xác định nhiệm vụ của nhà nước là điều chỉnh bằng các chính sách và hoạt động dịch vụ của mình, vai trò của người lãnh đạo quản lý, kiến thức kỹ năng của cán bộ, vấn đề quản lý các nguồn lực, vấn đề công khai hóa các thủ tục, hợp lý hoá bộ máy, sự gắn bó nhà nước và nhân dân, vấn đề áp dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ hành chính... Và hội thảo thống nhất cho rằng tuy đặc điểm và điều kiện của các nước khác nhau nhưng đều nên và có thể áp dụng ISO-9000 một cách thích hợp.

Ở nước ta, từ 1999, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đã công bố bản hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ISO-9000 trong dịch vụ hành chính. Một số cơ quan ở TP. Hồ Chí Minh hiện đã triển khai áp dụng ISO-9000 như Ủy ban nhân dân quận I, Sở giao thông công chính, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng... Theo dự kiến vào cuối năm nay, trên cơ sở kinh nghiệm thực tế trong nước và ngoài nước, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng sẽ kiến nghị Chính phủ việc áp dụng ISO để phục vụ cải cách hành chính trong cả nước.

### Thay cho lời kết

ISO-9000 có thể rõ ràng là cần thiết cho dịch vụ hành chính công, đặc biệt trong cải cách hành chính hiện nay, về cả lý thuyết và thực tế. Nhưng vì động lực và áp lực thường không trực tiếp, tức thời đối với đa số công chức, nên vai trò và quyết tâm của lãnh đạo cao nhất trong cơ quan rất quan trọng. Chính họ là người tạo lực đẩy và thuyết phục thu hút đông đảo công chức tham gia. Áp dụng ISO-9000 trong

môi cơ quan, không được và không thể tách rời việc thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở. Hai hoạt động này vừa có điểm chung, vừa tác động thúc đẩy nhau theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn. Về vĩ mô, Nhà nước cũng phải có chính sách thích hợp nhằm khuyến khích bản thân đội ngũ công chức tích cực trong hoạt động áp dụng ISO-9000.

Trong lĩnh vực của dịch vụ hành chính công nên chọn những việc có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi của đông đảo dân chúng làm trước, để có thể tập trung sức làm nhanh, phát huy tác dụng sớm và tích lũy kinh nghiệm sau đó sẽ mở rộng phạm vi áp dụng.

Sản phẩm của dịch vụ hành chính công được hình thành trong suốt quá trình tiếp xúc với khách hàng (dân). Mỗi cơ quan phải tự xác định lấy loại hình và đặc điểm sản phẩm của mình, chọn phương thức tạo ra nó một cách thích hợp. Không phải như các dịch vụ thông thường, với các sản phẩm dịch vụ hành chính phức tạp có hàm lượng trí tuệ cao, đối tượng sử dụng rộng rãi thì thường có độ trễ lớn về hiệu quả và khó đánh giá chính xác về chất lượng. Chính vậy, với loại sản phẩm này phải tiến hành chặt chẽ cả ba bước của chu trình: nắm bắt yêu cầu của người đặt hàng, và những người sử dụng cuối, lập phương án tạo sản phẩm, lấy ý kiến đầy đủ, kể cả làm thử, hoàn tất chuyển giao cho khách hàng và theo dõi, phân tích hiệu quả và hiệu lực trong áp dụng.

Quản lý chất lượng luôn bắt đầu bằng đào tạo và kết thúc cũng bằng đào tạo. Hơn bất cứ hoạt động dịch vụ nào, trong dịch vụ hành chính công, con người giữ vai trò quyết định. Đào tạo nguồn nhân lực trong hành chính phải chú ý không chỉ kỹ năng nghiệp vụ, mà cả rèn luyện về nhân cách, tác phong phục vụ. Người công chức phải là người có đủ kiến thức, kỹ năng theo công việc được giao, có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật cao, hòa nhã lịch thiệp, tôn trọng và lắng nghe ý kiến khách hàng, kiên nhẫn, khéo léo trong ứng xử.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Hiến, *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, *Hướng dẫn áp dụng Tiêu chuẩn ISO-9000 trong dịch vụ hành chính*, Hà Nội, 1999.
3. Văn Tinh, *ISO-9000 trong dịch vụ hành chính*, Hội thảo tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
4. Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng III, *Áp dụng tiêu chuẩn ISO-9000 trong dịch vụ hành chính*. Hội thảo tại TP. Hồ Chí Minh, 2000.
5. *Bộ tiêu chuẩn TCVN ISO-9000*, 2000.



# GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA GIỐNG DÂU LAI TRUNG QUỐC SA NHỊ LUÂN SỐ 109

KS. CHU BÁ THÔNG

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Lâm Đồng

Cây dâu tằm là một trong ba cây công nghiệp chính của tỉnh Lâm Đồng: chè, cà phê, dâu tằm. Trong những năm 1990-1993 là thời kỳ diện tích cây dâu phát triển nhanh và đạt gần 14.000 ha trong toàn tỉnh, sản xuất dâu tằm đã trở thành phong trào "người người trồng dâu, nhà nhà trồng dâu". Giá kén tại thời điểm này 40.000-50.000 đ/kg. Đời sống nông dân tại một số huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, thị xã Bảo Lộc đã khá lên nhờ chuyển sang nghề trồng dâu, nuôi tằm; nhiều cơ sở hạ tầng đã được phát triển trong giai đoạn này. Sau năm 1994, diện tích dâu giảm dần và đến 1999 chỉ còn 3.180 ha. Một trong những nguyên nhân chính là giá kén thấp 13.000-18.000 đ/kg, mặt khác giá cà phê thuận lợi khiến người dân chuyển diện tích trồng dâu sang trồng cà phê. Từ năm 2000 giá kén tằm tương đối ổn định từ 25.000-28.000 đ/kg đã khuyến khích người nông dân phát triển lại nghề trồng dâu, nuôi tằm. Để trồng dâu, nuôi tằm đem lại hiệu quả cao, việc ứng dụng tiên bộ kỹ thuật dưới hình thức trồng giống dâu lai năng suất cao là cần thiết. Chúng tôi xin giới thiệu giống dâu lai F1 có nguồn gốc từ Trung Quốc - Sa Nhị Luân số 109.

Giống dâu Sa Nhị Luân 109 (SNL-109) được du nhập vào Lâm Đồng và trồng thử tại một số hộ nông dân trong tỉnh từ năm 1997-1998 nhưng diện tích không đáng kể và chưa được theo dõi, đánh giá về các chỉ tiêu kỹ thuật. Trong năm 2000, Tổng công ty Dâu tằm tơ Việt Nam đã tổ chức ươm cây giống và đưa vào sản xuất hơn 20 ha tại các huyện Đơn Dương, Lâm Hà, Đạ Tẻh. Riêng tại huyện Lâm Hà, Trạm khuyến nông huyện đã đầu tư hỗ trợ giống, kỹ thuật, vật tư và chỉ đạo trực tiếp thực hiện với quy mô 5ha. Do đặc điểm cây dâu là cây dài ngày cần phải theo dõi 3-4 năm mới có đủ các thông số về kỹ thuật để có kết luận chính xác. Tuy nhiên qua thực tế sản xuất và tổng hợp từ ý kiến của các cơ quan chuyên môn, cũng như một số nông dân đã trồng giống dâu lai này, bước đầu, chúng tôi có một số nhận xét về giống dâu SNL109 so sánh với giống dâu Bầu đen (BĐ) là giống đang được trồng phổ biến trong tỉnh.



## Về ưu điểm

1. Qua theo dõi ngoài đồng ruộng sau khi trồng 3 tháng, chiều cao cây của cây dâu lai cao hơn giống BĐ, giống SNL cao 75 cm, giống BĐ cao 52 cm; số lá SNL nhiều, rộng và dày hơn. Chiều rộng lá đo chỗ lớn nhất của SNL 7-9 cm, trong khi đó BĐ 4-4,5 cm. Ở các giai đoạn sau, giống SNL vẫn thể hiện ưu điểm về độ lớn của lá.
2. Màu sắc lá của dâu lai thường xanh từ gốc đến ngọn. Ở năm thứ hai, kích thước lá rất lớn, chiều ngang 16-18 cm, chiều dài 25-30 cm; khả năng lưu lá của SNL dài hơn BĐ, có thể kéo dài 50-70 ngày, điều này rất thuận lợi, nếu vì một lý do nào đó mà chưa cần thu lá thì chúng ta có thể giữ trên cây, trong khi ở giống BĐ nếu không thu đúng lứa, lá phía dưới sẽ bị úa vàng.
3. Giống SNL chịu hạn tốt hơn giống BĐ nếu được trồng bằng cây giống gieo hàng hạt, vì cây dâu lai có bộ rễ cọc ăn sâu trong đất.
4. Giảm được công lao động hái lá dâu, do lá dâu SNL lớn; ví dụ 1 công lao động hái được 100 kg lá dâu BĐ, nhưng có thể hái được 150 kg lá dâu SNL. Như vậy, giảm được 1/3 số công hái so với cùng một trọng lượng.
5. Về năng suất, qua tổng hợp số liệu tại một số vùng trồng và kết quả thu hoạch ở năm thứ hai tại một số điểm thuộc thị trấn Nam Ban huyện Lâm Hà cho thấy năng suất trung bình của giống SNL đạt



15-20 tấn lá dâu/ha, trong khi đó giống BÐ đạt 8-12 tấn/ha, cao hơn gấp 1,5-2 lần so với giống BÐ trong cùng một điều kiện canh tác. Theo báo cáo của Tổng công ty dâu tằm tơ tại một số điểm thâm canh tốt có thể cho năng suất 30 tấn/ha hoặc cao hơn.

**Về nhược điểm:**

Giống SNL 109 có những nhược điểm sau

1. Khả năng phân cành kém hơn giống BÐ, qua theo dõi ở giai đoạn sau khi trồng 3 tháng, giống BÐ có số cành là 7 cành/cây, giống SNL 5 cành/cây.

2. Một số điểm sản xuất cho thấy giống SNL có tỷ lệ rầy hại húp dâu tạo ra muội đen nhiều hơn giống dâu BÐ. Một số nơi khác cho thấy mức độ kháng sâu bệnh tương đương với giống BÐ.

3. Giống SNL chịu úng kém hơn giống BÐ, vì vậy không nên trồng giống dâu lai trên những đất có khả năng thoát thủy kém.

4. Chi phí mua cây giống, vận chuyển cây giống để trồng cao hơn so với giống BÐ trồng bằng hom và chi phí đầu tư về phân bón cao hơn giống BÐ.

5. Qua theo dõi tại một số hộ trồng giống SNL 109 và nuôi tằm, Trạm khuyến nông Lâm Hà có nhận xét sơ bộ: lượng lá dâu để sản xuất ra 1kg kén tằm đối với giống dâu SNL trung bình là 12,5 kg lá/1 kg kén tằm. Đối với giống BÐ chỉ cần 11-12 kg lá/1 kg kén tằm.

Một lưu ý cần thiết là: Muốn gieo trồng giống SNL đạt năng suất cao, việc đầu tư đầy đủ phân bón là rất cần thiết nhằm tránh việc bóc lột đất. Theo ý

kiến của một số cán bộ kỹ thuật cho biết nông dân ta có thói quen bón phân cho giống dâu lai cũng tương đương với giống dâu BÐ, vì vậy chưa phát huy hết năng suất của giống dâu này. Định mức đầu tư trung bình cho 1 ha gieo trồng/năm đối với giống dâu lai SNL:

20-30 tấn phân chuồng hoai mục;

400-500 kg urê hoặc lượng đạm tương đương;

500-700 kg super lân;

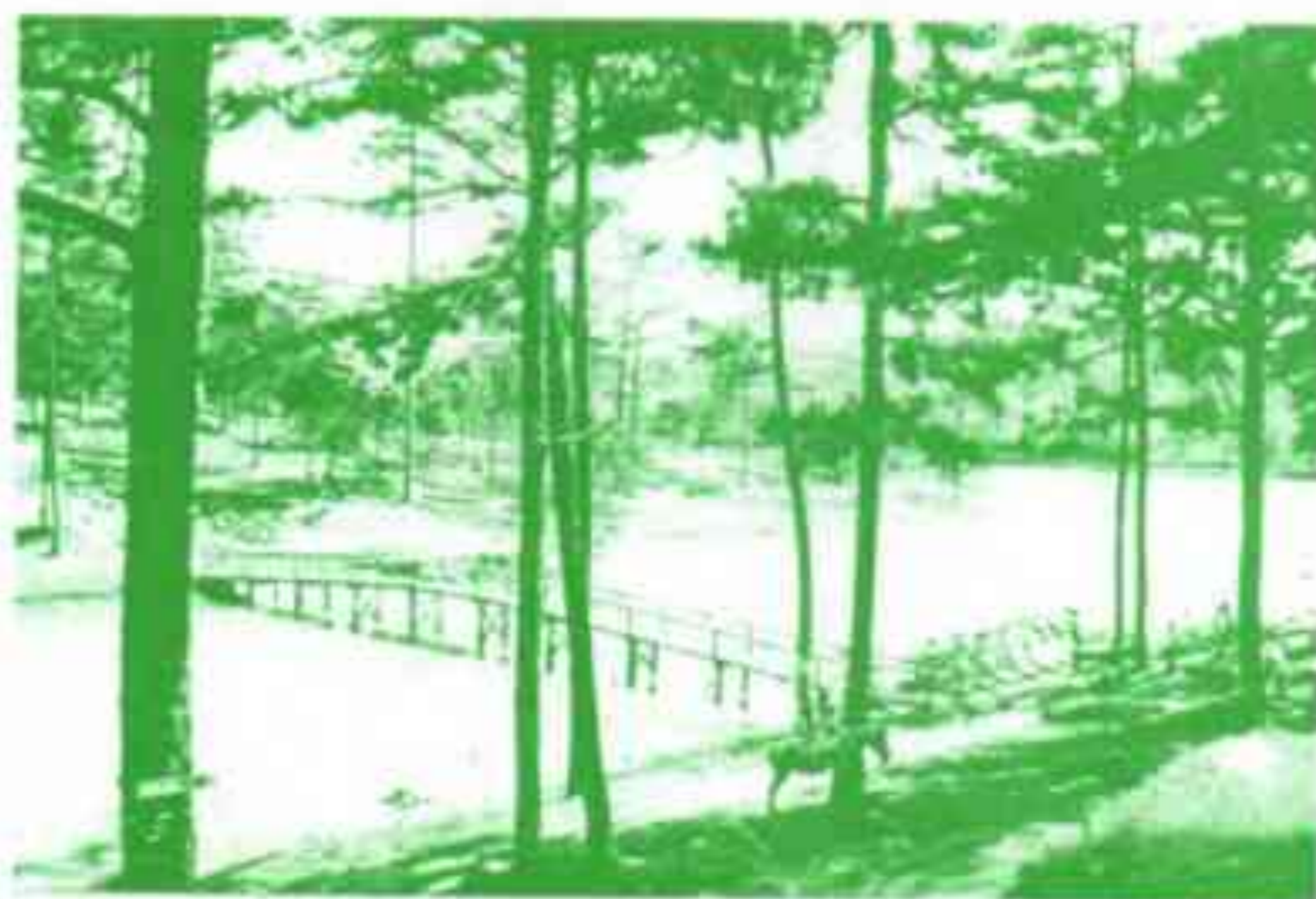
200-250 kg kali;

500 kg vôi.

Hoặc có thể bón 800-1000 kg NPK 20-20-15. Nên chia ra nhiều lần để bón và bón sau khi hái lá. Nếu thâm canh phải đầu tư cao hơn và vẫn cân đối tỷ lệ phân N, P, K và có thay đổi liều lượng phân bón tùy vào điều kiện đất đai, trình độ thâm canh tại địa phương.

Để tăng nhanh diện tích trồng dâu SNL 109 trong kế hoạch trợ cước, trợ giá năm 2001, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cho Tổng công ty dâu tằm tơ phối hợp với các huyện tổ chức ươm cây giống, dâu lai SNL để cung ứng cho nông dân trồng mới 120 ha, phân bổ như sau: huyện Lâm Hà 24 ha, Đơn Dương 21 ha, Cát Tiên 20 ha, Đạ Tẻh 38 ha, Đạ Huoai 18 ha.

Trên đây là một số đặc điểm của giống dâu lai Trung Quốc F1 Sa Nhị Luân, trong năm 2001, Trung tâm khuyến nông tỉnh sẽ tiếp tục theo dõi các đặc tính nông học để có kết luận chính xác và khuyến cáo cho sản xuất.





# MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP MỚI TRONG BẢO QUẢN NÔNG SẢN VÀ THỰC PHẨM

PHẠM TRÍ THÔNG

Bộ môn Bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm  
Đại học nông lâm TP Hồ Chí Minh

## GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, nhu cầu của người tiêu dùng đã thay đổi không ngừng về việc làm sao cho các nông sản và thực phẩm phải càng ngày càng tiện lợi trong bảo quản và có phẩm chất cao hơn, như "tươi hơn", "tự nhiên hơn" và "bổ dưỡng hơn".

Dưới đây tóm tắt các nhu cầu của người tiêu dùng và đề ra một số các biện pháp khả dĩ nhằm đáp ứng được các đòi hỏi ấy.

Nhu cầu của người tiêu dùng tác động lên sự phát triển của các công nghệ bảo quản

### Các nhu cầu chủ yếu

- Tươi hơn
- Đễ dàng trong tồn trữ
- Thỏa mãn tuổi thọ của sản phẩm
- Phẩm chất cao hơn
- Mùi vị, cấu trúc và hình dáng tốt hơn
- Tươi hơn
- Tự nhiên hơn
- Bổ dưỡng hơn
- An toàn hơn
- Các biện pháp để đạt được
- Chế biến đơn giản hơn
- Ít gia nhiệt hơn
- Tối thiểu sự quá nhiệt
- giảm đến mức ít nhất sự thiệt hại do lạnh đông
- Ít dùng thuốc hơn các hệ thống bảo quản tự nhiên
- Các hàm lượng muối, mỡ và đường dùng trong thực phẩm ít hơn
- Hạn chế các vi sinh vật gây độc hại trong thực phẩm thương mại nhất là từ các thực phẩm nhiễm bẩn và nguyên liệu thô.

(Nguồn: G.W. Gould, 1995)

Các công nghệ chủ yếu đã và đang được ứng dụng từ lâu trong ngành bảo quản nông sản và thực phẩm, bao gồm làm lạnh; sấy, hong, ngâm, tẩm, lên men hoặc các phương pháp acid hóa khác; thêm vào chất bảo quản; xử lý nhiệt bằng phương pháp tiệt trùng và thanh trùng.

Các công nghệ mới trong ngành bảo quản nông sản và thực phẩm không nhiều thì ít cũng có nguồn gốc từ các phương pháp cổ truyền, bằng việc ứng dụng các thành tựu ấy để ngày nay có các phương pháp mới như là bao gói trong khí quyển thay đổi, khí quyển điều chỉnh, chân không và các kỹ thuật mới phát minh như là xử lý phóng xạ, siêu âm, tạo xung điện thế cao.

Trên cơ sở tổng hợp một số các tài liệu nước ngoài có liên quan đến công tác bảo quản nông sản và thực phẩm. Bài viết này nhằm mục đích giới thiệu một trong các phương pháp mới được áp dụng trong ngành bảo quản nông sản và thực phẩm.

## CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN TRONG KHÍ QUYỂN THAY ĐỔI (Modifiel Atmosphere, MA)

Tính năng của công nghệ bảo quản bằng cách bao gói sản phẩm trong khí quyển thay đổi (MAP) nhằm kéo dài tuổi thọ của thực phẩm đã được nhận biết cách đây nhiều năm. Trong thập niên 1920, các nhà khoa học trong khi làm việc tại một cơ sở nghiên cứu về nhiệt độ thấp, tại Cambridge, Vương quốc Anh, đã thấy rằng tuổi thọ của những quả táo có thể gia tăng bằng cách tồn trữ chúng trong các môi trường với những nồng độ

oxygen thấp còn của khí carbonic lại cao, và trong thập niên 30 khi thịt bò được vận chuyển trong các môi trường có chứa khí carbonic thì thời gian bảo quản của chúng tăng gần gấp hai lần so với trước.

Ở Vương quốc Anh chính đây chuyên bán lẻ thịt đóng gói trong khí quyển thay đổi của Công ty Marks & Spencer lần đầu tiên trong năm 1979 đã tạo điều kiện cho sự nổi tiếng trên thị trường thế giới ngày nay của Anh quốc về các sản phẩm bao gói MA (Parry, 1993). Kể từ đó đã có một sự nhân rộng trong việc ứng dụng và nhu cầu đòi hỏi chính đáng của người tiêu dùng về các loại thực phẩm tươi và đông lạnh mà lại chứa ít các chất bảo quản. Điều đó đã dẫn đến một sự gia tăng đáng kể trong lĩnh vực các sản phẩm bao gói trong khí quyển thay đổi. Ngày nay, thực phẩm đóng gói trong MA bao gồm thịt tươi và nấu chín, thịt gia cầm và cá, rau quả, mì sợi, phomát, các loại bánh nướng từ bột mì, khoai tây chiên, cà phê và trà.

Những ưu điểm và nhược điểm của MAP được trình bày như sau

### Ưu điểm

- Tuổi thọ có thể tăng đến 400%.
- Tổn thất về mặt kinh tế giảm (lâu bị hư hỏng).
- Sản phẩm có thể được phân phối đến các nơi xa hơn và với ít dịch vụ hơn, giảm chi phí trong phân phối.
- Cung ứng sản phẩm với chất lượng cao.
- Việc phân loại các sản phẩm lát rời dễ dàng hơn.
- Công tác đóng gói được tập trung hóa và kiểm tra được từng phần một.
- Tăng tính thẩm mỹ trong trưng bày.
- Sản phẩm được nhìn thấy rõ ràng và quan sát được toàn bộ.
- Ít hoặc là không cần các hóa chất bảo quản.

### Nhược điểm:

- Giá thành cao.
- Nhiệt độ cần phải điều chỉnh.
- Các công thức chất khí khác nhau cho từng loại sản phẩm.
- Đòi hỏi thiết bị đặc biệt và công tác huấn luyện.
- Tính an toàn của sản phẩm cần đặt ra.



- Gia tăng thể tích bao gói - Ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vận chuyển và không gian trong bồn bán lẻ: - Ưu điểm sẽ không còn nữa một khi gói hàng bị mở ra hoặc bị thủng.

(Nguồn: Farber (1991) và Parry (1993))

Có một số kỹ thuật bảo quản mà qua đó khí quyển chung quanh của một sản phẩm có thể được thay đổi, và thường thuật ngữ của chúng cần được phân biệt để tránh nhầm lẫn.

- Bao gói trong khí quyển thay đổi (Modified atmosphere packaging, MAP): sự thay đổi không khí trong bao gói bằng một hỗn hợp khí khác nhau, với tỷ lệ của mỗi cấu tử khí được cố định một khi hỗn hợp được đưa vào, nhưng không có một sự điều chỉnh nào sau đó trong suốt quá trình bảo quản.

- Bao gói trong khí quyển điều chỉnh (Controlled atmosphere packaging, CAP): sự bao gói trong một khí quyển mà ở đây thành phần của các chất khí được liên tục điều chỉnh trong suốt quá trình bảo quản. Kỹ thuật này được ứng dụng chủ yếu trong bảo quản đông ("bảo quản xá") các sản phẩm và đòi hỏi liên tục vận hành và điều chỉnh thành phần chất khí.

- Khí quyển thay đổi cân bằng (Equilibrium modified atmosphere, EMA) ứng dụng chủ yếu cho rau và trái: bao gói được nạp đầy với hỗn hợp khí cần thiết hoặc sản phẩm được đóng gói mà không có sự thay đổi của không khí bảo quản trong bao. Sự đóng gói này sẽ cho phép một tình trạng khí quyển thay đổi đạt được chính là nhờ vào sự hô hấp về sau của sản phẩm và tính thẩm thấu chất khí của bao gói.

- Bao gói chân không (Vacuum packaging, VP): sản phẩm được đóng gói trong bao với tính thẩm thấu oxygen thấp, bao được đóng lại sau khi không khí bên trong được hút hết. Khí quyển bên trong bao chân không biến đổi trong suốt thời gian tồn trữ và vì vậy không

khí bảo quản được thay đổi một cách gián tiếp.

### VAI TRÒ CỦA CÁC CHẤT KHÍ

Ba chất khí chủ yếu dùng trong công nghệ MAP là oxygen, nitrogen và carbon dioxide, cho dù một vài chất khí khác cũng được nghiên cứu như carbon monoxide, sulphur dioxide, ozon và chlorin. Tuy nhiên, sự ứng dụng của chúng còn nhiều hạn chế do tính an toàn, luật định, tác dụng không khả quan về thử nếm và giá thành.

Oxygen ( $O_2$ ) thường kích thích sự phát triển của các vi khuẩn hiếu khí và có thể ức chế sự phát triển của các vi khuẩn yếm khí, cho dù cũng có một sự biến động khá lớn trong việc miễn cảm của các vi khuẩn yếm khí với oxygen (Farber, 1991). Oxygen có vai trò rất quan trọng trong thịt tươi để duy trì chất myoglobin trong thành phần bão hòa oxy (oxymyoglobin), tạo cho thịt tươi có màu sáng đỏ. Sự có mặt của oxygen có thể gây nên vấn đề trong sự hô hấp do oxy hóa và màu sắc của sản phẩm điển hình như là mỡ cá và thịt sấy khô.

Nitrogen ( $N_2$ ) là một chất khí trơ không mùi vị với đặc tính là tính hòa tan thấp trong nước và lipid. Được dùng để thay thế oxygen trong các bao gói nhằm làm chậm lại sự hô hấp do oxy hóa và ức chế sự phát triển của các vi sinh vật hiếu khí (Farber, 1991). Nhờ vào tính hòa tan thấp, nitrogen được sử dụng như là một chất khí đệm để giúp cho bao gói tránh bị bẹp dẹt thường xảy ra trong các khí quyển với hàm lượng  $CO_2$  cao.

Carbon dioxide ( $CO_2$ ) là chất hòa tan trong nước và lipid, đóng vai trò chủ yếu trong tác dụng ức chế khuẩn làm cho các vi sinh vật tạm ngưng hoạt động trong các môi trường bảo quản với khí quyển thay đổi (Farber, 1991). Farber cho rằng tác dụng của  $CO_2$  lên trên tế bào của vi khuẩn như sau:

- Làm biến đổi chức năng của màng tế bào bao gồm các tác động lên sự hô hấp thu hút các chất dinh

dưỡng và sự hút nước;

- Ức chế trực tiếp lên các enzyme hoặc là làm giảm tốc độ các phản ứng của enzyme;

- Thẩm thấu xuyên qua các màng vi khuẩn, dẫn đến các biến đổi độ pH của nội tế bào;

- Các biến đổi trực tiếp liên quan đến tính chất hóa lý của proteins.

Với các sản phẩm có hàm lượng nước và chất béo cao như thịt gia súc, gia cầm và thực phẩm biển,  $CO_2$  bị hấp thu nhiều vào trong các sản phẩm này làm cho bao gói bị bẹp dẹt lại.

### SỰ PHÁT TRIỂN TRONG CÔNG NGHỆ MAP

Sự phát minh ra các màng mỏng "thông minh" (smart film) mới đây trong bao gói các sản phẩm hàng công nghệ khí quyển thay đổi là những thành tựu mới nhất trong công nghệ MAP. Kỹ thuật bao gói thông minh (Intelligent packaging) có khả năng thẩm thấu hoặc phóng thích các chất khí và hơi nước, và có thể liệt kê ra như sau: loại trừ sạch sẽ khí oxygen, - hình thành khí carbon dioxide, - tách hương thơm, - khử vị lạ, tách ethylene, - phóng thích ethanol, - tách nước, - các màng mỏng ăn được.

Trong thời gian gần đây, đã có nhiều triển khai của công nghệ MAP trong việc thiết kế các màng mỏng có tính năng thẩm thấu cao cho việc bao gói rau quả và trái cây. Các màng mỏng này được thiết kế giúp cho tính năng thẩm thấu của ẩm độ và chất khí thay đổi được tại những giá trị nhiệt độ đặc biệt để phù hợp với mức độ hô hấp của sản phẩm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AIT Handouts, 1996, Thailand
- ARO Handouts, 2000, Israel
- G.W. Gould, 1995, *New methods of food preservation*, UK, Chapman & Hall
- GENT Handouts, 1998, Belgium
- P. Fellows, 1992, *Processing effects on food*, USA, AVI



*Quần thơ*

# HOA TƯ TỬNG

PHẠM VĨNH

Sinh ngày 2.10.1945

Quê Thái Bình

Tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội 1967

## BÊN HỒ

*Có nhiều người ngồi bên hồ câu cá*

*Lại có nhiều người ngồi xem cá cắn câu*

*Ôi! Nếu đời như biển cả*

*Thì cá với người nào khác chi đâu!*

## GIỌT CÀ PHÊ

*Giọt cà phê màu mắt*

*Chát ra từ lòng sỏi*

*Giọt tâm tư màu mắt*

*Chát ra từ lòng vui*

*Giọt cà phê đêm trắng*

*Giọt tâm tư ngày đen*

*Rơi xuống vùng kỷ ức*

*Hóa long lanh giọt đen*

## CÁT

*Người ta bảo mỗi hạt cát là một số phận*

*Ôi những số phận chen chúc nhau*

*Tôi ước mà lặn chân dõn dõn*

*Sợ dẫm lên, ấy liệt đau!*

## QUA CHỢ

*Người đàn bà ngồi với đồng khoai lang*

*Nhặt vất riêng những củ khoai bả thổi*

*Ước gì những xấu xa tội lỗi*

*Cũng được vất riêng bên cạnh cuộc đời*







## ĐẤT MŨI

Đã được nghe nhiều về đất Mũi  
 Vần lời hò trước trời sao phương Nam  
 Gieo trên đồng nước ngập mênh mông  
 Sông sánh với bao câu hò điệu lý  
 Ôi tí xíu mà họp thành tri kỷ  
 Đậm đà mấm sống lẫn chua!

Nghe tiếng rì rào nhớ tiếng sóng biển xưa  
 Cũ xanh biếc cùng mặt trời mọc, lặn  
 Nghe tiếng gió khơi xa mơn mẩn  
 Trên ngực trần trái trẻ mơn man...

Ai đã từng ghé đất Viên An  
 Sẽ thấy chẳng nơi nào vui thế  
 Chuyện Ba Phi chủ nhà từng từng kể  
 Khách cười lơ, ôm đấm bạn không hay  
 Là thật xíu này rượu nồng lâu say

Nào Mười Trưng, Đầm Dơi, Sân Chim, Rạch Sấu  
 Thêm một tên rồi ta phải cụng ly!

Chiều đến mọi người tay vịn tay đi  
 Câu vọng cổ tiếng còn tiếng hát  
 Mặc kệ trời xích gần với đất  
 Sống với nhà chỉ cách một sải tay  
 Và những chiếc xuồng như cánh én vút bay...

## MỘT NGÀY XỨ LẠNG

1. Một ngày xứ Lạng  
 Heo may chuyển mùa  
 Lòng dung dung ngộ  
 Gặp lời ru xưa

À ơi... sông Ngô  
 Vàng ai đổ xuống  
 À ơi... sông Thương  
 Hồn ai mộng tưởng

Kìa thành Nhà Mạc  
 Một thời lễ dân  
 Kìa nàng Tô Thi  
 Hóa rồi còn đâu

Rời chợ Kỳ Lừa  
 Bước Thên yêu điệu  
 Để mắt say quên  
 Năm nem bầu rượu

5. Tôi không lên đi  
 Nhớ người tiên cha  
 Tôi không lên núi  
 Mùa đào đã qua

Tôi theo người viếng  
 Tam Thanh Nhị Thanh  
 Cà chua Tiên nữa  
 Với tâm lòng thành

Nơi nào tôi cũng  
 Thất vọng nguyện cầu  
 Cầu cho nhân thế  
 Qua thời khổ đau

Cầu cho trái gái  
 Đi đâu về đâu  
 Núi mơn sông cạn  
 Tỉnh như ban đầu...



# ABC ĐÀ LẠT

NGUYỄN HỮU TRANH  
 Câu lạc bộ tiếng Pháp TP ĐÀ LẠT

## K

### KHÁCH SẠN

Khách: người ở nơi khác đến.

Sạn: nhà.

Trước năm 1954, Đà Lạt có 9 khách sạn: Langbian Palace, Hôtel du Parc, Hôtel du Lac, Hôtellerie proven çale, Annam, Saigon, Bon Air, Royal, Võ Quang Tiềm.

Trước năm 1975, Đà Lạt có 19 khách sạn: Palace, Duy Tân, Ngọc Lan; Mộng Đẹp, Mimosa, Thanh Thế, Lâm Sơn, Mai Anh Đào, Thủy Tiên, Dalat, Cẩm Đô; Vinh Quang, Hòa Bình, Nam Việt, Phú Hòa, Lữ quán Sài Gòn, Tịnh Tâm, Cao Nguyên, Thanh Ngọc.

Năm 2000, Đà Lạt có hơn 300 khách sạn, nhà nghỉ với hơn 4.000 phòng, trong đó có 20 khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế từ 1 đến 5 sao. Các khách sạn, nhà nghỉ này do Công ty Du lịch Lâm Đồng, Công ty Du lịch Dịch vụ Đà Lạt, Công ty DRI, các công ty, cơ quan Nhà nước, tư nhân quản lý.

### KHE SANH

Tên một đoạn trên đường Pren cũ nối với đường Trần Hưng Đạo và Hùng Vương.

Đặc điểm: Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng, vườn hoa Minh Tâm, chùa Tau ở đường này.

Khe Sanh là một thung lũng thuộc huyện Hướng Hóa ở phía tây tỉnh Quảng Trị.

Năm 1967, quân xâm lược Mỹ đã thiết lập một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất trên tuyến phòng thủ đường số 9 nhằm chặn đường Trường Sơn và khống chế chiến trường Lào. Hệ thống phòng ngự bao gồm cụm cứ điểm Tà Cơn, chi khu quân sự Hướng Hóa và cứ điểm Làng Vây.

Ngày 21-1-1968, Quân giải phóng tiêu diệt chi khu quân sự Hướng Hóa và ngày 7-2-1968 tiêu diệt cứ điểm Làng Vây.

Sau hơn 170 ngày bị vây hãm, tấn công, phục kích, đánh lán, bắn tỉa, giặc Mỹ buộc phải rút bỏ Khe Sanh ngày 26-6-1968.

### KHÍ HẬU

Với độ cao trên 1.400m và quần thể thực vật, đặc biệt là rừng thông, Đà Lạt thừa hưởng khí hậu miền núi ôn hòa, quanh năm mát mẻ.

Ở Đà Lạt, ánh nắng ít bị khuếch tán, tỷ lệ tia cực tím tăng lên; không khí khô, mát và trong sạch, ít bụi bặm, khí độc và mầm bệnh. Không khí chứa nhiều khí ô-xy và ít hơi nước, làm cho hô hấp dễ dàng, hồng huyết cầu tái sinh nhanh, người ta cảm thấy ăn uống ngon hơn, người lao động trí óc có cảm giác thư thái, ít bị căng thẳng thần kinh, làm việc ít mệt nhọc, bền bỉ, dẻo dai hơn.

Khí hậu Đà Lạt có ảnh hưởng tốt đối với những người mới ốm dậy, những người yếu mệt, mất sức cần bồi bổ, những người bị thiếu máu, suy nhược thần kinh. Tuy nhiên, khí hậu Đà Lạt không thích hợp với những người mắc bệnh hen suyễn, lao phổi, thấp khớp,...

### KHOAI LANG MẬT

Ngoài giống khoai lang thông thường (*Ipomea Batatas* (L.) Lamk. Lang, họ Convolvulaceae), Đà Lạt còn có giống khoai lang mật trồng nhiều nhất ở Cam Ly, Vạn Thành trên đất ba-dan. Giống khoai lang này được cắt thành lát mỏng, phơi khô, làm một mặt hàng đặc sản bán cho du khách.

### KHOAI TÂY

Người Âu phát hiện lần đầu tiên khoai tây (*Solanum tuberosum* L., họ Solanaceae) trong dãy núi Andes (Âng-đơ) ở Nam Mỹ năm 1533, di thực vào Tây Ban Nha năm 1570.



Củ khoai tây chứa khoảng 70% nước, giàu glucit, K, Fe, I, rất giàu vitamin C; cung cấp nhiều năng lượng (80 cal/100g); giúp trẻ em phát triển nhanh.

Khoai tây dùng để ăn và chế thành tinh bột được sử dụng trong các ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm, giấy, vải.

Trước đây, nông dân Đà Lạt trồng khoai tây bằng củ; trong những năm gần đây, trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật hay hạt.

### KHOÁNG SẢN

Khoáng sản ở Đà Lạt gồm có:

Khoáng sản kim loại: thiếc, vàng,...

Khoáng sản phi kim loại: cao lanh.

Vật liệu xây dựng: sét gạch ngói, cát, đá, cuội sỏi.



Than bùn, tectit.

**KHỞI NGHĨA BẮC SƠN**

Tên một con đường dài 1km nối với đường Trần Hưng Đạo.

Tên đường cũ: De Lattre de Tassigny, Trịnh Minh Thế.

Đặc điểm: Đường vắng quanh khu Dinh II.

Tháng 6 năm 1940, phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp. Nhân cơ hội này, phát xít Nhật liền nhảy vào Đông Dương.

Tối ngày 22-9-1940, quân Nhật từ Trung Quốc tiến đánh Lạng Sơn. Quân Pháp rút chạy qua đường Bắc Sơn về Thái Nguyên. Ở những vùng quân Pháp bỏ chạy, hệ thống chính quyền địch tan rã, nhân dân tự động thu nhặt súng đạn, quân trang của tàn quân Pháp và phục kích tước lấy súng Pháp.

Ngày 25-9-1940, một số cán bộ, đảng viên cộng sản thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn về địa phương lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa, thành lập Ban Chỉ huy Khởi nghĩa.

8 giờ tối ngày 27-9-1940, hơn 600 đồng bào vũ trang bằng vũ khí thô sơ tấn công đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn và các vùng trong châu. Sáng hôm sau, Ban Chỉ huy Khởi nghĩa tổ chức mít tinh tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch.

Hoang sợ trước cuộc khởi nghĩa, Nhật nhanh chóng thoả hiệp với Pháp, dùng Pháp đàn áp quân khởi nghĩa. Lực lượng vũ trang khởi nghĩa phải chuyển vào rừng hoạt động du kích và dần dần phát triển thành Việt Nam Cứu quốc quân.

**KIẾN TRÚC**

Phần lớn các công trình kiến trúc ở Đà Lạt được xây dựng từ những năm 1930, 1940 và chịu ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc Pháp.

Có thể chia các công trình kiến trúc ở Đà Lạt thành 8 loại:

Công trình công cộng: trụ sở các ủy ban, công sở, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Viện Pasteur, Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt, chợ, rạp chiếu bóng,...

Trường học: Học viện Lục quân, Trường Đại học, Trường Cao đẳng Sư phạm, các trường trung học, tiểu học,...

Kiến trúc tôn giáo: chùa, thiền viện, nhà thờ, tu viện, thánh thất.

Dinh thự: Dinh I, Dinh II, Dinh III, ...

Biệt thự

Khách sạn

Nhà ở, nhà liên căn, chung cư,...

Nhà phố

**TRƯỜNG KIẾN TRÚC ĐÀ LẠT**

Năm 1944, Trường Kiến trúc thuộc Trường Cao

đẳng Đông Dương được chuyển từ Hà Nội vào Đà Lạt.

Trường Kiến trúc Đà Lạt lệ thuộc Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Pa-ri về chương trình giáo khoa, hệ thống kiểm soát, cấp văn bằng,...

Cuối năm 1948, Trường Kiến trúc Đà Lạt tách khỏi Trường Cao đẳng Mỹ thuật và nhập vào Viện Đại học Đông Dương.

Cuối năm 1950, Trường dời từ Đà Lạt xuống Sài Gòn.

**KY CON**

Tên một trong những con đường ngắn nhất ở Đà Lạt, chỉ dài 0,1km, nối đường Nguyễn Du với đường Phó Đức Chính.

Tên đường cũ: Hà Văn Ký.

Đoàn Trần Nghiệp (1908 – 1930) quê làng Khúc Thụy, tỉnh Hà Tây.

Ông bán hàng ở hãng Godard (Gô-da). Gia nhập Việt Nam Quốc dân đảng, ông phụ tá Nhượng Tống ẩn loát truyền đơn và tờ nội san Hồn cách mạng, rồi coi kho của khách sạn Việt Nam ở phố Hàng Bông. Vì ông là đảng viên nhỏ tuổi hơn cả nên được gọi đùa là Ký Con. Về sau Nguyễn Thái Học đề cử ông vào Âm sát đoàn dưới sự điều khiển của Nguyễn Khắc Nhu.

Ngày 10-2-1930, cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quốc dân đảng lãnh đạo bùng nổ, ông chỉ huy cảm tử quân tấn công vào một số vị trí trong thành phố Hà Nội.

Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị bắt tại Nam Định và bị kết án tử hình.

**LA SƠN PHU TỬ**

\* Tên một con đường dài 0,2km nối đường Phan Đình Phùng với đường Ngô Quyền.

\* Tên đường cũ: Rue des Jardins (Đường Vườn).

\* Nguyễn Thiếp (1723 – 1804), hiệu La Sơn phu tử, người làng Nguyệt Ao, huyện La Sơn (nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1743, ông thi đậu cử nhân nhưng không ham công danh phú quý, chỉ thích ở nhà đọc sách và ngao du sơn thủy.

Mãi đến năm 1756, ông mới ra làm quan.

Năm 1768, thấy xã hội Lê – Trịnh thối nát, ông từ quan về quê dạy học.

Năm 1788, quân Thanh xâm lược Bắc Hà. Trên đường tiến quân ra Bắc, vua Quang Trung cho mời Nguyễn Thiếp đến hội kiến. Ông thưa: “Nếu đánh gấp thì không ngoài 10 ngày là thắng được”.

Sau đó, Nguyễn Thiếp được vua Quang Trung giao việc coi đất xây thành “Phượng hoàng trung đô” ở thành phố Vinh ngày nay.



Năm 1791, Nguyễn Thiếp vào Phú Xuân trình bày 3 phương pháp trị nước (quân đức, dân tâm và học pháp) và nhậm chức Viện trưởng Viện Sùng chính ở Nghệ An, cùng với nhiều sĩ phu khác phiên dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm.

### LẠCH

\* Tên một tộc người thuộc dân tộc Cơ-ho cư trú trên cao nguyên Lang Bi-an từ xa xưa.

\* Người Lạch sử dụng ngôn ngữ Môn - Khơ-me và theo chế độ mẫu hệ.

\* Trước năm 1954, người Lạch sinh sống trong 7 buôn: Bon Nơr, Bon Đêng (Bon Đing), Bon Đơng, Hàng Kròc (Rohàng Kròc), Mang Ling và hai buôn Đang Ja.

Năm 1954, thung lũng sông Đa Đờng bị ngập lụt, Bon Đơng và một buôn Đang Ja được tập trung vào một địa điểm mới, trong khi đó một số gia đình chuyển sang buôn Đơng Kriêng, Đà Mpào, Nrèng hay Pơnơ ở các huyện Đức Trọng và Lâm Hà ngày nay.

Hiện nay, người Lạch sống tập trung tại xã Lát (huyện Lạc Dương). Năm 1989, xã Lát có 395 hộ với 4.915 người Lạch. Xã Tà Nung (thành phố Đà Lạt) có khoảng trên 300 người Lạch.

### LAGISQUET

Lagisquet là kiến trúc sư, Giám đốc Nha Quy hoạch Đô thị và Kiến trúc Đông Dương.

Ông đã thiết lập đồ án chính trang và phát triển đô thị Đà Lạt năm 1942.

Đồ án có một số điểm khác với hiện trạng Đà Lạt:

- Văn phòng Chính phủ trung ương với 4 toà nhà cao tầng nằm ở góc đường Yersin - Bà Huyện Thanh Quan;
- Chợ mới ở khóm (ấp) Ánh Sáng;
- Khu thương mại người Âu ở góc đường Trần Phú - Hồ Tùng Mậu;
- Trung tâm Văn hoá ở góc đường Trần Phú - Hà Huy Tập;
- Bảo tàng Dân tộc học ở gần thác Cam Ly;
- Vườn hoa trước dinh II đến hồ Xuân Hương;
- Sân bay ở đường Nguyễn Tử Lực;

### LÀI HAI MÀU

\* Tên một loài hoa có tên khoa học là *Brundfolisia Hopeana* Benth., họ *Solanaceae*.

\* Cây cao 1 - 2m. Trên cùng một cây, hoa có 2 màu khác nhau: tím và trắng. Lúc mới nở, hoa màu tím, sau đó chuyển dần sang màu trắng.

### LAN

\* Tên một loài hoa trồng phổ biến ở Đà Lạt.

\* Theo GS.TS. A. Averyanov - chuyên gia nghiên



cứu họ Lan Việt Nam - Đà Lạt có khoảng trên 290 loài hoa lan rừng. Ngoài ra còn nhiều loài hoa lan nhập nội, lai tạo được gây trồng để thưởng ngoạn, xuất khẩu và tiêu thụ trên thị trường trong nước.

\* Họ lan (*Orchidaceae*) có nhiều chi, đặc biệt là chi *Cymbidium* (hồng lan, hoàng lan, hồng hoàng,...), *Paphiopedilum* (lan hài),...

\* 3 loài hoa lan mang tên Đà Lạt: *Dendrobium dalatense*, *Eria dalatensis*, *Oberonia dalatensis*.

\* Có thể chia hoa lan ở Đà Lạt thành 2 nhóm: *địa lan* trồng trong chậu và *phong lan* sống cộng sinh trên thân cây, tấm gỗ (panneau) hay đong đưa trên sợi dây thép.

Từ *địa lan* còn được dùng để chỉ chi *Cymbidium* và *phong lan* chỉ các loài hoa lan nói chung.

\* Hoa lan trồng theo phương pháp nhân giống cổ điển (tách chiết củ già) hay phương pháp hiện đại (cấy mô tế bào).

### LAN MÓNG BÒ

\* Tên một loài cây trồng ven đường Trần Phú và trong vườn hoa, công sở.

\* Tên khoa học: *Bauhinia purpurea* L., họ *Caesalpinaceae*.

\* Cây lan móng bò có lá giống như móng bò, hoa màu tím hay trắng giống như hoa lan Cattleya.

### TƯ LIỆU THAM KHẢO

Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn phu tử*. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1994.

Phạm Hoàng Hộ. *Cây cỏ miền Nam Việt Nam*. Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1970.

T.T.D.L. *Khí hậu Đà Lạt*. Tia sáng, Sài Gòn, 15-1-1972, Số 2407.

Berjoan A. et Lagisquet, J. *Les réalisations d'urbanisme à Dalat*. Indochine, Hanoi, 1943, N° 164 - 165.

Lagisquet, J. *Rapport de présentation*. 1942.





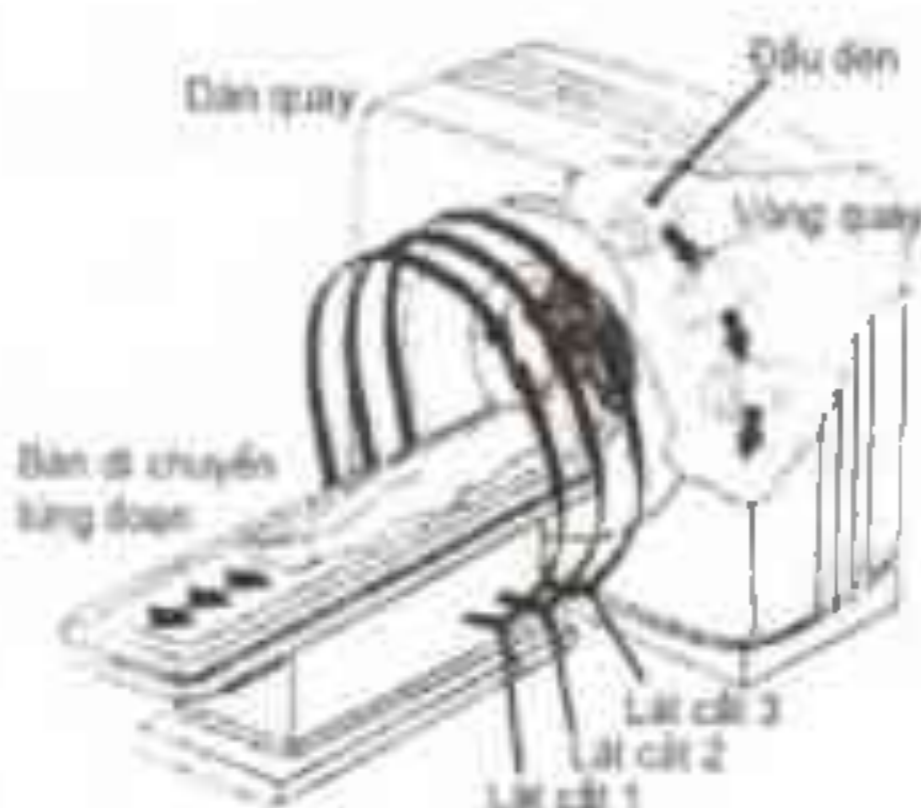
# GIỚI THIỆU VÀ ỨNG DỤNG LÂM SÀNG PHƯƠNG PHÁP CHỤP CẮT LỚP ĐIỆN TOÁN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÂM ĐỒNG

## I. TỔNG QUAN

Năm 1972, G.N Housfield đã phát minh ra phương pháp chụp cắt lớp điện toán - phương pháp này giúp cho chúng ta khảo sát chi tiết hơn những cấu trúc bên trong cơ thể. Có thể xem đây là một sự tiến bộ nhất trong kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh y khoa. Phương pháp này ngày càng phổ biến và kỹ thuật ngày càng được nâng cao. Từ khi phát minh ra chiếc máy đầu tiên cho đến nay đã có 5 thế hệ máy. Hiện nay, chủ yếu dùng thế hệ 2, 3, 4, 5 và Spiral CT (cắt lớp xoắn ốc).

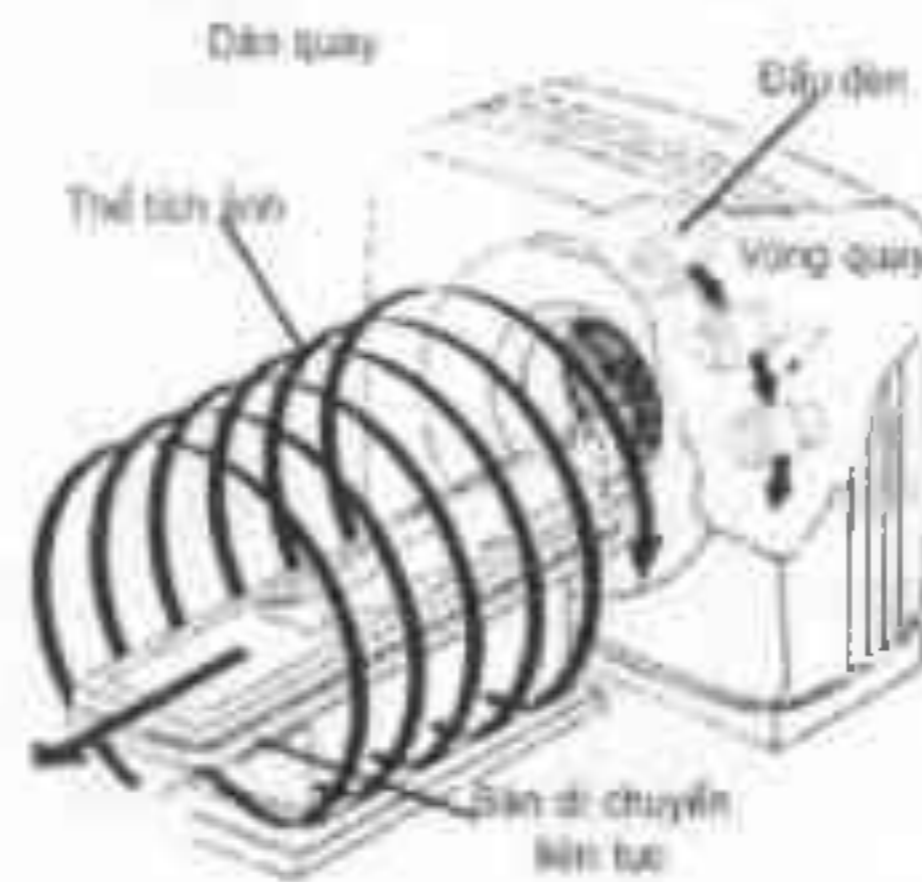
Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng đã đưa phương pháp này vào sử dụng từ tháng 5.2000 với máy cắt lớp xoắn ốc hiện đại: Shimadzu 6800TX - đây là thế hệ máy hiện đại nhất đang được sử dụng ở Việt Nam. Thế hệ máy này đã có bước cải tiến rất nhiều so với các thế hệ máy trước: do đầu đèn quay liên tục, phát tia liên tục, bàn di chuyển liên tục nên dữ liệu sẽ ghi được liên tục. Lợi điểm của phương pháp này là bộ phận cơ thể muốn khảo sát sẽ được scan trong một lần nín thở vì vậy sẽ giảm được hiệu ứng thể tích từng phần và hình ảnh cung cấp chi tiết hơn, hình ảnh tái tạo lại cũng rõ hơn. Việc đưa máy vào hoạt động đã góp phần rất lớn vào việc cung cấp thông tin chẩn đoán sớm, đúng giúp cho bác sĩ lâm sàng nâng cao hiệu quả chẩn đoán và điều trị.

Hình 1: Máy CT Scan thông thường



BS. BÙI THANH LÂM  
BS. BÙI HOÀNG HẢI THỦY  
BS. NGUYỄN CƯỜNG  
Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng

Hình 2: Máy CT Scan xoắn ốc



## II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHỤP CẮT LỚP ĐIỆN TOÁN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÂM ĐỒNG

- Sử dụng máy chụp điện toán xoắn ốc: Shimadzu 6800 TX
- Thời gian khảo sát: 5.2000-11.2000.
- Chỉ định CT đối với các cơ quan có bệnh lý: sọ não, mắt, tai... cơ xương.
- Tổng số lượt chụp: 630
- Kết quả tìm thấy trên hình ảnh CT - Scanning được đối chiếu lại với kết quả điều trị trên lâm sàng tại bệnh viện, các dữ kiện tìm thấy trong lúc mổ hoặc thông tin ghi nhận từ tuyến trên khi bệnh nhân chuyển viện (đối với các trường hợp biết được).

Tỷ lệ các loại bệnh lý được chỉ định CT như sau:

Bảng 1: CÁC LOẠI BỆNH LÝ ĐÃ CHỤP

Bệnh lý	Số lượng	Tỷ lệ %
Sọ não	575	91,27
Ngực	17	2,70
Bụng	09	1,43
Cột sống	06	0,95
Tai, mũi, họng	18	2,86
Khác	05	0,79
Tổng cộng	630	100

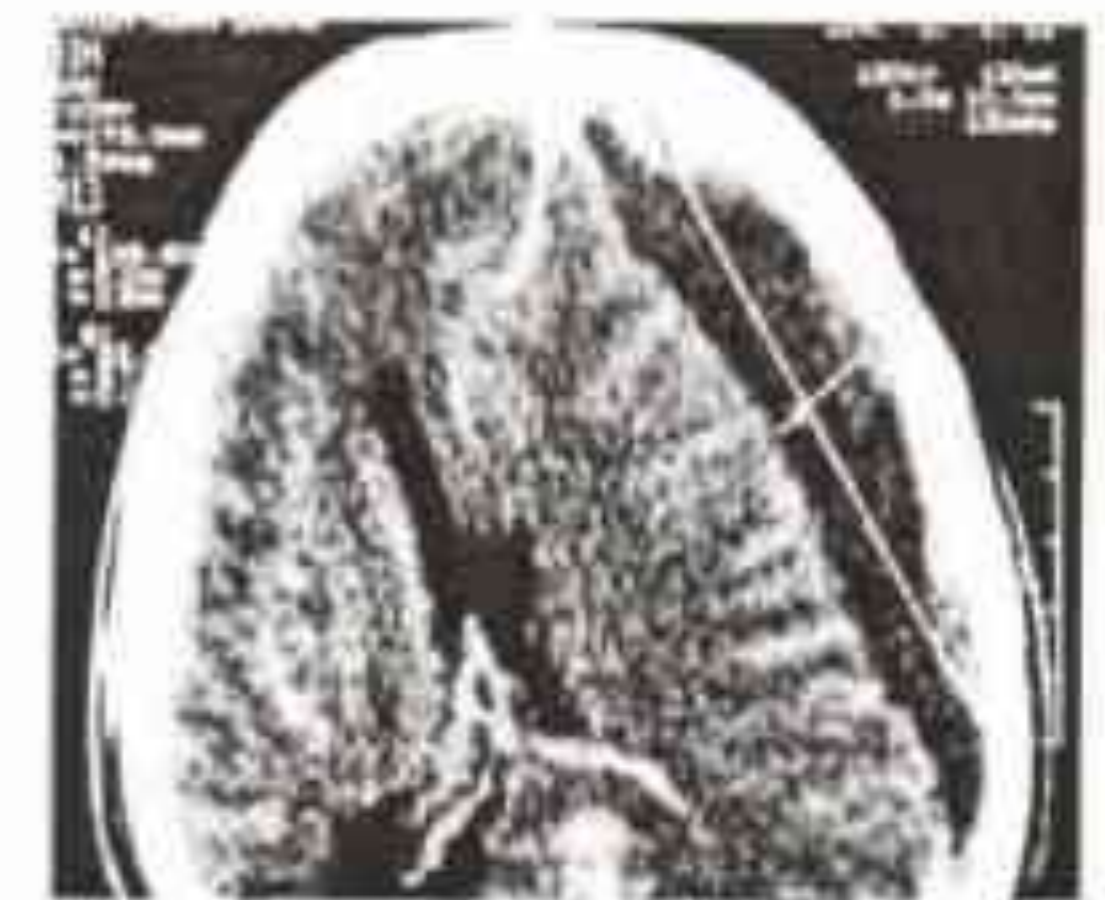
Phân tích kết quả bệnh lý các trường hợp phát hiện được tổn thương trên hình ảnh

### 1. Bệnh lý sọ não

#### 1.1 Bệnh lý chấn thương sọ não

Bảng 2: CÁC LOẠI TỔN THƯƠNG PHÁT HIỆN ĐƯỢC

Loại tổn thương	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Máu tụ ngoài màng cứng (NMC)	28	18,67
Máu tụ NMC + dập não	13	8,67
Máu tụ dưới màng cứng (DMC)	23	15,33
Máu tụ DMC + dập não	32	21,33
Máu tụ NMC + DMC	10	6,67
Máu tụ NMC + DMC + dập não	3	2
Dập não + máu tụ trong não	38	25,33
Máu tụ DMC mạn tính	3	2
<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100</b>



Hình 3: Bệnh nhân N.X.D 39 tuổi, nhập viện 28.6.2000

Chẩn đoán lúc nhập viện: theo dõi viêm não màng não

Chẩn đoán trước và sau phẫu thuật: máu tụ dưới màng cứng mạn tính

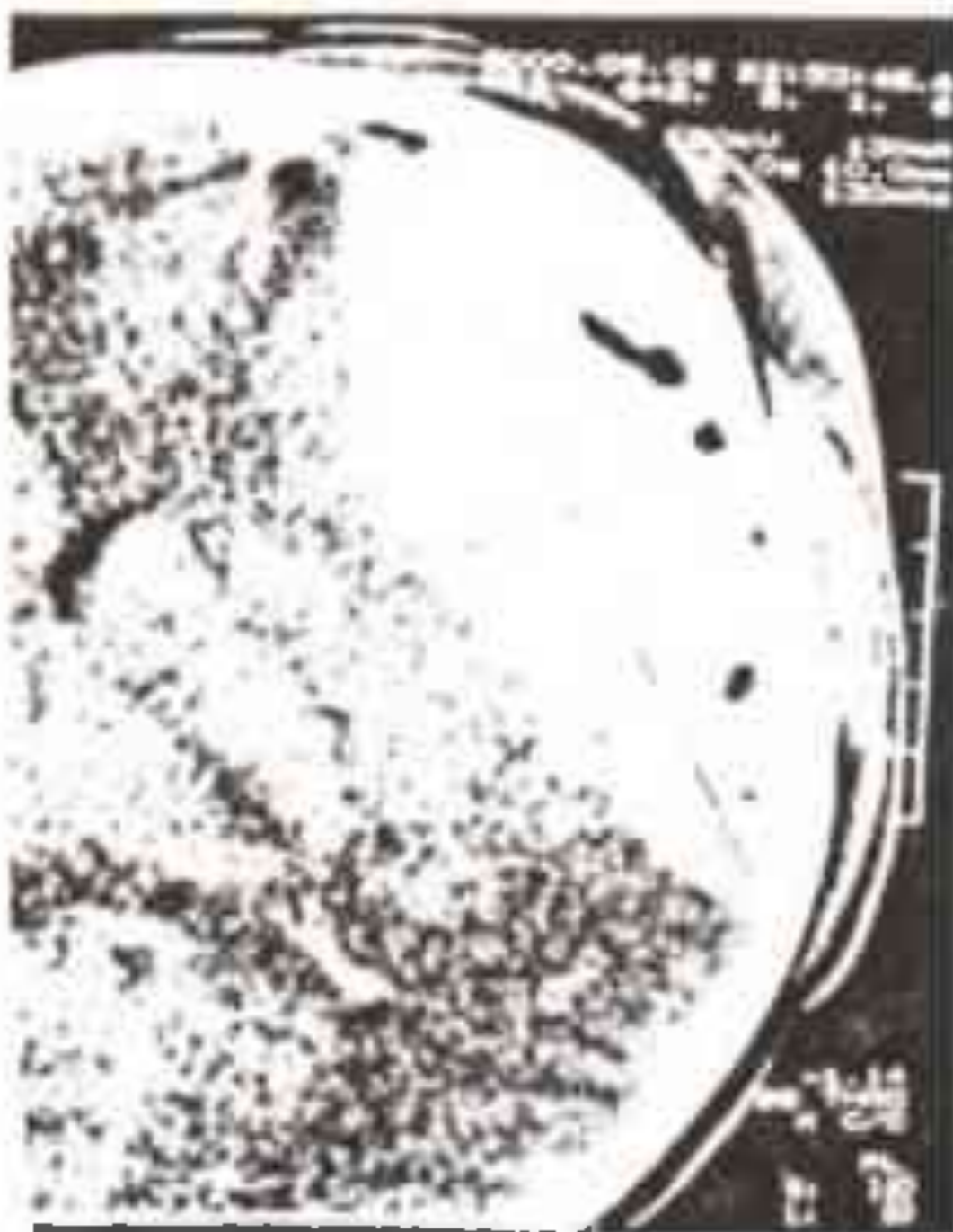




**Hình 4:** Bệnh nhân T.V 23 tuổi, nhập viện ngày 06.8.2000

Lý do: Tai nạn giao thông

Chẩn đoán: Máu tụ rải rác trong não - Bệnh tử vong



**Hình 5:** Bệnh nhân Trần Đình T. 30 tuổi, nhập viện ngày 02.9.2000

Chẩn đoán: Tụ máu + khí ngoài màng cứng thùy trán thái dương (trái)

Chấn thương sọ não là bệnh lý thường gặp. Từ kết quả hình ảnh tổn thương ghi nhận được qua 150 ca chúng tôi nhận thấy loại tổn thương dập não có máu tụ dưới màng cứng và dập não có máu tụ dưới màng cứng và dập não có máu tụ trong não chiếm tỷ lệ cao (32/150 và 38/150). Máu tụ dưới màng cứng mạn tính là loại tổn thương hiếm gặp nhưng thầy thuốc lâm sàng dễ chẩn đoán nhầm. Các trường hợp chúng tôi phát hiện được đều là các bệnh nhân được gửi từ hệ nội.

**1.2 Bệnh lý nội khoa**

**Bảng 3: CÁC LOẠI BỆNH LÝ PHÁT HIỆN ĐƯỢC**

Loại tổn thương	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xuất huyết não	13	43,34
Nhũn não	10	33,33
Dị dạng mạch não	01	3,33
Abscess não	01	3,33
U não	04	13,34
Viêm não	01	3,33
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>100</b>

Khi chưa có CT Scanning không có một phương tiện cận lâm sàng nào tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng làm thỏa mãn các bác sĩ nội khoa đối với các bệnh lý khó như dị dạng mạch máu não, di căn não, u não... Vì thế mà việc ứng dụng máy CT Scanning rất có ý nghĩa lâm sàng tại bệnh viện. Hình ảnh do CT cung cấp giúp các bác sĩ lâm sàng chẩn đoán sớm và chính xác hơn.



**Hình 6:** Bệnh nhân L.H.T 8 tuổi, nhập viện ngày 12.6.2000

Chẩn đoán: U não - màng não bán cầu (phải)



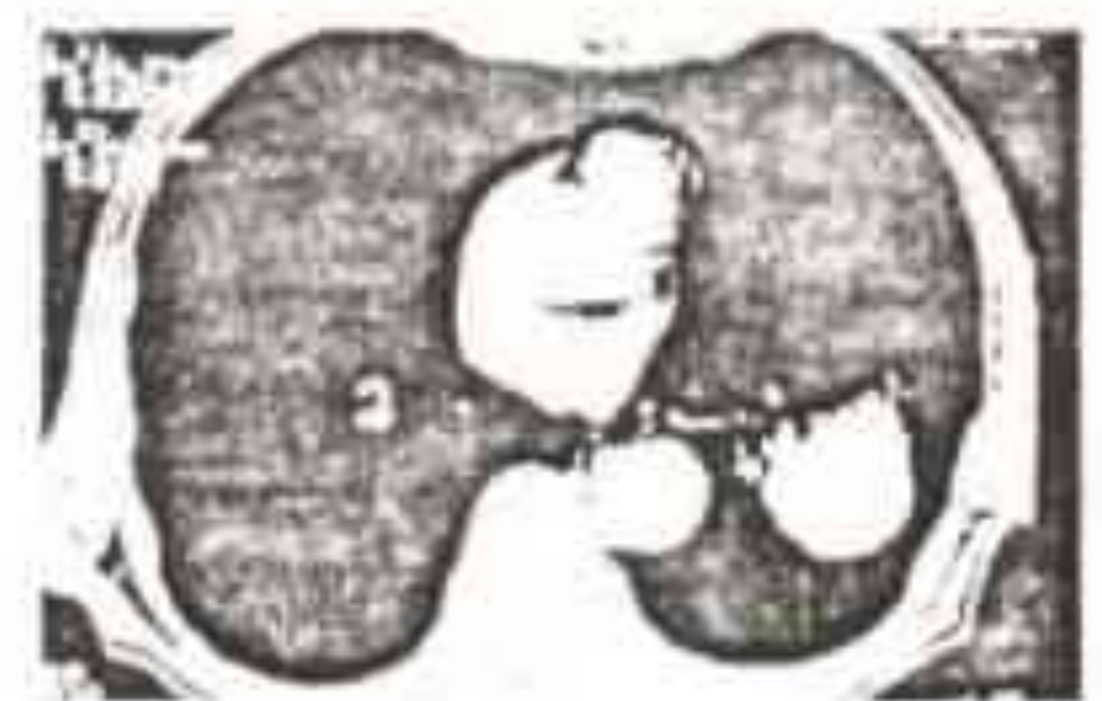
**Hình 7:** Bệnh nhân Trần Thị N. 35 tuổi, nhập viện ngày 16.8.2000

Chẩn đoán trước và sau phẫu thuật (tại BV Chợ Rẫy): Abscess

chấm (Trái) + Xuất huyết chấm (Phải)

**2. Bệnh lý lồng ngực**

Bằng kỹ thuật dùng thuốc cản quang, khảo sát kỹ tổn thương nghi ngờ, chúng tôi đã phát hiện được các tổn thương viêm nhiễm, bệnh lý xơ vữa động mạch, phình động mạch, bệnh lý u phổi hoặc trung thất... Tuy số lượng chụp còn ít nhưng chất lượng và kết quả hình ảnh đem lại rất có giá trị lâm sàng, giúp loại trừ hay khẳng định tổn thương thực sự.



**Hình 8:** Bệnh nhân Lưu Quang T, 81 tuổi, chụp ngày 14.7.2000

Chẩn đoán: Bronchogenic Carcinoma (mũi tên) phổi (Trái)

**3. Bệnh lý cột sống**

Trong thời gian vừa qua chúng tôi mới chỉ tiến hành chụp thông thường (chỉ thấy hình ảnh gián tiếp) chứ chưa ứng dụng kỹ thuật chụp tủy sống có bơm thuốc cản quang (Myelography).

Kết quả chúng tôi ghi nhận được chủ yếu là tình trạng thoái hóa cột sống còn các loại bệnh lý khác như: chấn thương cột sống, bệnh lý nhiễm trùng, tổn thương thực thể chèn ép tủy chưa phát hiện ca nào.

**4. Bệnh lý ổ bụng**

Các trường hợp đã được khảo sát chủ yếu là các tổn thương đường mật nghi ngờ - đặc biệt là tụy khi trên lâm sàng và các phương tiện khác khó phân biệt hoặc phân biệt không rõ nguyên nhân tắc mật gây vàng da. Từ đó giúp cho các bác sĩ lâm sàng có chẩn đoán, tiên lượng để điều trị cho bệnh nhân.

(Xem tiếp trang 24)



# CÂY KEO ĐẬU PHILIPPIN (LEUCOCAENA LEUCOCEPHALA) SỬ DỤNG LÀM TRỤ TIÊU ĐẠT HIỆU QUẢ CAO

ThS. NGUYỄN THANH PHƯƠNG

*Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp duyên hải miền Nam Trung Bộ*

Cây Keo đậu Philippin thuộc họ Trinh nữ (*Mimosaceae*) bộ đậu (*Fabales*) là cây gỗ nhỏ cao tới 20 m, đường kính ngang ngực tối đa 30 cm. Thân thẳng, vỏ chắc không bong nứt và xù xì. Cây ưa sáng mọc nhanh, tái sinh chồi rất khỏe. Hệ rễ phát triển mạnh, có nhiều nốt sần sùi chứa vi khuẩn cố định đạm cộng sinh.

**Yêu cầu sinh thái:** Cây sinh trưởng tốt với điều kiện khí hậu nhiệt đới. Tổng lượng mưa hàng năm từ 600-1.700 mm, có 4-8 tháng mùa khô. Độ cao thích hợp nhất là dưới 500m và cũng có thể phát triển ở độ cao dưới 1000 m. Cây thích ứng cao với nhiều loại đất, nhưng tốt nhất là đất trung tính hoặc hơi kiềm, sâu ẩm, xốp và thoát nước.

**Cây đa tác dụng:** Keo đậu Philippin trồng sau 2-3 năm thì thu hoạch củi, cây trên 10 năm có thể làm gỗ nhỏ sử dụng trong xây dựng, làm bột giấy... Lá có hàm lượng protein cao làm thức ăn cho động vật nhai lại. Riêng gà vịt cho ăn dưới mức 5-10% khẩu phần thì không gây hại. Trồng vành đai phòng hộ, theo băng chống xói mòn, cải tạo đất. Cây che bóng phụ trợ cho cây công nghiệp, lá làm phân xanh, hoa để nuôi ong lấy mật.

Đặc biệt cây keo đậu Philippin dùng làm trụ sống cho cây tiêu thì rất bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường.

### **Bền vững về kinh tế - xã hội**

Trồng tiêu với mật độ 1.600-2.000 cây/ha và dùng trụ tiêu khô là cây gỗ chắc như cãm xe, cà chắc, cà duối, tấu... thuộc gỗ

nhóm 1-2. Với loại trụ này thì hiện nay rất khó tìm, giá cả từ 40-50.000đ/trụ (đường kính 20-30 cm, chiều dài 2,5-3m), như vậy chi phí cho trụ trên là 72-90 triệu đồng/ha. Loại trụ này chỉ có ở những nơi rừng già, rừng đặc dụng. Như vậy sẽ vi phạm vào việc chặt phá rừng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái. Nếu sử dụng là trụ cây sống như cây vông, lòng mứt, gạo... thì phải mất 2-4 năm trồng mới dùng làm trụ tiêu được. Hệ số nhân của các loại cây này cũng thấp và giá cũng khá cao từ 20-25.000đ/trụ (cây lòng mứt). Hoặc trồng trụ bê tông xi măng giá 70.000đ/trụ với kích thước 0,2 x 0,2 x 3m, trụ xây xi măng gạch bê dáy 0,4 x 0,4m, hệ ngồn 0,3 x 0,3m, cao 2,5m thì chi phí đến 150.000đ/trụ. Với giá thành cây trụ nêu trên thì vốn đầu tư kiến thiết cơ bản cho vườn tiêu quá lớn sẽ gặp khó khăn về tài chính cho những hộ nông dân bình thường mà có nhu cầu trồng tiêu.

Sử dụng trụ tiêu là cây keo đậu Philippin thì sẽ bền vững về kinh tế - xã hội với những lý do sau:

- Hệ số nhân cao, 1kg hạt giống có thể tạo được 8.000-10.000 cây, trồng 3 cây (có cự ly 0,6 x 0,6m theo hình tam giác đều) thành một trụ tiêu với mật độ 1.100 cây/ha (cự ly 3 x 3m). Mặt khác, keo đậu sau trồng 2-3 năm lại ra hoa kết quả nên nhanh cung cấp hạt giống để trồng làm cây trụ.

- Giá thành hạ: Với giá cây con keo đậu Philippin là 1.000đ/cây (giá tại vườn ươm của Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp duyên hải miền Nam Trung Bộ) thì chi phí

cho trụ tiêu tốn khoảng 3.300.000-4.000.000đ/ha. Như vậy thấp hơn so với cây trụ gỗ từ 20-25 lần, với cây lòng mứt từ 9-12 lần, với trụ xi măng, trụ gạch là 34-72 lần.

Trọng lượng mỗi bầu để gieo ươm cây keo đậu Philippin là 0,5-0,8 kg nên thuận tiện cho việc vận chuyển, giá cước vận chuyển hạ.

- Cây mọc nhanh: Gieo ươm cây con từ 2,5 đến 3,5 tháng cao 30-40 cm thì đem trồng làm trụ tiêu được. Có thể trồng keo đậu trước 15-30 ngày hoặc trồng tiêu cùng một lượt với khi trồng keo đậu ở những hố đã chuẩn bị sẵn. Thời kỳ kiến thiết cơ bản được rút ngắn không phải đợi cây trụ tiêu sau khi trồng 2-3 năm như một số cây trụ sống khác. Cây keo đậu sau một năm trồng cao hơn 2m, đường kính gốc 2-3m, đến năm thứ 3 thì keo đậu trở thành trụ tiêu vững chắc với chân kiềng 3 gốc và đồng thời tiêu bắt đầu ra quả bói.

- Cây dễ trồng, không sâu bệnh, chu kỳ kinh doanh của cây trụ keo đậu Philippin kéo dài 15-20 năm hoặc có thể hơn nếu đốn ngọn hàng năm đúng thời vụ (đốn trước mùa mưa một tháng) và đốn đúng kỹ thuật.

### **Bền vững về môi trường sinh thái**

Dùng cây keo đậu Philippin làm trụ sống cho tiêu thì không vi phạm vào việc chặt phá rừng mà còn phục vụ cho chương trình 5 triệu ha rừng của Chính phủ.

Hệ rễ phát triển mạnh, hệ rễ bền ở tầng trên phát triển ít nếu được cuốc xới 1-2 lần vào những năm đầu, rễ có nốt sần chứa vi khuẩn cố định đạm cộng sinh. Vì



thế không cạnh tranh dinh dưỡng nhất là đạm và nước với cây tiêu.

Lá keo đậu Philippin chứa hàm lượng protein cao, nhanh phân giải là nguồn phân xanh rất tốt, trả lại và bổ sung nguồn dinh dưỡng cho đất, cải tạo được cấu trúc đất.

Để minh chứng cho những vấn đề nêu trên, ở huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có bác Lê Văn Thống trồng 2 vườn tiêu với cây trụ sống là keo đậu Philippin. Vườn tiêu trồng từ năm 1989 diện tích 750m<sup>2</sup> trên đất đồi gò đá ong, đến nay năng suất hàng năm vẫn ổn định 2.000kg/ha. Vườn tiêu trồng năm 1997 diện tích 2.000 m<sup>2</sup> trên vùng đất xám. Những năm đầu ra bói năng suất đạt 2.250 kg/ha. Những trụ tiêu trồng 3 cây keo đậu thì năng suất vẫn đạt 2-2,5 kg/trụ. Do đầu tư xây dựng cơ bản thấp nên lãi ròng hàng năm là 92.720.000 đ/ha (với giá thời điểm tiêu 50.000 đ/kg) tỷ suất lợi nhuận đạt 4,5 lần. Đất đai ngày càng được bồi dục, hàm lượng mùn trong đất tăng, tạo nên vùng tiểu khí hậu thích hợp cho cây tiêu phát triển tốt, môi trường sống trong lành mát mẻ.

Cũng chính nhờ những mô hình trồng tiêu của bác Lê Văn Thống mà hiện nay ở huyện Hoài Nhơn và vùng phụ cận đã mở rộng trên vài trăm vườn trồng tiêu với cây trụ sống là cây keo đậu Philippin.

Với những đặc tính sinh vật học, kết quả gây trồng và bền vững về kinh tế - xã hội, môi trường như trên thì cây keo đậu Philippin là cây đa tác dụng, có tiềm năng lớn và giải quyết được những vấn đề cấp bách của việc dùng làm trụ tiêu sống ở tỉnh Bình Định và các tỉnh có điều kiện tương tự.



## GIỚI THIỆU VÀ ỨNG DỤNG LÂM SÀNG PHƯƠNG PHÁP CHỤP CẮT LỚP ĐIỆN TOÁN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÂM ĐỒNG

(Tiếp theo trang 22)

Ngoài ra chúng tôi còn tiến hành khảo sát với mục đích tầm soát tổn thương gan, thận, hạch ổ bụng khi phát hiện có những tổn thương rõ ràng ở các cơ quan khác nghi di căn.

### 5. Các bệnh lý khác

Chủ yếu là bệnh lý tai mũi họng, tổn thương phát hiện được là viêm xoang, viêm tai chũm, u mũi hầu... Những bệnh nhân này đến bệnh viện là do được chỉ định cụ thể từ các chuyên khoa hoặc tự đến Khoa chẩn đoán hình ảnh để được tư vấn.

### III. KẾT LUẬN

- CT Scanning là phương tiện chẩn đoán hình ảnh có giá trị, vai trò của nó trên lâm sàng là không thể bàn cãi. Đây là phương tiện khảo sát hình ảnh chuẩn, cung cấp giải phẫu chi tiết tốt vì vậy có giá trị chẩn đoán cao. Trước đây một vài trường hợp bệnh lý khó phân biệt rõ ràng trên lâm sàng, xét nghiệm cận lâm sàng chỉ cho kết quả gián tiếp, không chắc chắn nhưng nhờ có CT Scanning vấn đề trên đã được giải quyết rất nhiều.

- Các trường hợp chúng tôi đã chụp đa phần là bệnh lý chấn thương sọ não. Các bệnh lý khác chưa được khảo sát nhiều, tuy nhiên những bệnh lý: lồng ngực, ổ bụng đã đem lại kết quả chẩn đoán cao. Ứng dụng CT Scanning trong lâm sàng là một nhu cầu hoàn toàn cần thiết, một phương tiện không thể thiếu trong công tác lâm sàng. Trong thời gian tới, hy vọng chỉ định chụp tiếp tục được nhân rộng ra các bệnh lý khác như gan, thận... giúp cho công tác tầm soát, phát hiện bệnh sớm hơn, chính xác hơn. Có như vậy mục

tiêu dự phòng và điều trị bệnh mới có ý nghĩa toàn diện hơn.

- Nói tóm lại, chẩn đoán hình ảnh y học (Medical Imaging Dianosis) đã có những bước tiến bộ đáng kể làm thay đổi cả về mặt kỹ thuật lẫn lâm sàng. Sự thay đổi này là nét đổi mới đang được thực hiện ở các khoa chẩn đoán hình ảnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Điều này đòi hỏi các bác sĩ chẩn đoán hình ảnh ngày nay không chỉ giỏi về X quang thường quy mà còn làm chủ các phương pháp khác như: siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ... cũng như chọn lọc các kỹ thuật chẩn đoán cho phù hợp. Mục tiêu của sự phát triển hiện nay của các ngành là đòi hỏi thông tin về chẩn đoán một cách tối ưu để cải thiện chất lượng điều trị hiệu quả cho bệnh nhân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình hội thảo tập huấn chụp X quang cắt lớp vi tính*. Bệnh viện Hữu Nghị - Hà Nội, 1997.
2. Nguyễn Hồng Long, *Một số nhận xét qua 500 trường hợp chấn thương sọ não chụp cắt lớp vi tính tại Khoa điện quang Bệnh viện Đà Nẵng*.
3. Phạm Ngọc Hoa - Lê Văn Phương, *Ứng dụng lâm sàng phương pháp chụp cắt lớp điện toán tại bệnh viện Chợ Rẫy*.
4. *Hình ảnh học sọ não, cột sống và ống sống*. Tài liệu dịch - Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
5. Matthias Hofer, *CT teaching manual*. Thieme, 2000.
6. Otto H. Wegener, *Whole body computed tomography*. Blackwell scientific, 1998



# Một số thông tin về hoạt động sở hữu công nghiệp

## PHÒNG THÔNG TIN-SHCN

Trong những năm gần đây, quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) nói chung và quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) nói riêng đã được đề cập đến trong nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau: Bộ luật dân sự, Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật công ty, các văn bản về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chuyển giao công nghệ, thuế,... Điều này thể hiện việc tăng cường hoạt động pháp lý của Nhà nước trên lĩnh vực SHTT, SHCN nhằm góp phần phát triển nền sản xuất hàng hoá trong nước, bảo đảm các điều kiện khi hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Do ở Việt Nam chưa có một hệ thống quy định chặt chẽ, đầy đủ về các biện pháp thực thi quyền để các cơ quan nhà nước có thể phát huy được vai trò trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ nên hiệu quả hoạt động trên lĩnh vực này còn nhiều hạn chế. Hiện nay công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực SHCN đã và đang có những chuyển hướng tích cực về mặt tổ chức hoạt động, tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, tăng cường hiệu lực bảo hộ cho các đối tượng SHCN nhưng không làm cản trở các hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh trong xã hội.

Ở Việt Nam cũng như một số nước đang phát triển khác, vấn đề tranh chấp và vi phạm quyền SHCN phần lớn xảy ra với đối tượng là nhãn hiệu hàng hoá và kiểu dáng công nghiệp. Việc xử lý những vi phạm các đối tượng SHCN đã được bảo hộ trở thành một yêu cầu cấp bách nhằm đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quyền lợi của những người sản xuất hợp pháp, góp phần quan trọng vào cuộc chiến chống tệ nạn sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng

nhái. Xử lý các vi phạm quyền SHCN là nội dung chủ yếu của việc thực thi quyền SHCN được căn cứ trên các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các chủ đối tượng được bảo hộ, thực hiện biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi sai trái, vi phạm các quyền nói trên.

Hiện nay, trong hoạt động kinh tế đối ngoại, hợp tác đầu tư, Việt Nam đang phát triển khá nhanh chóng. Để tham gia các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam buộc phải đảm bảo việc bảo hộ và thực thi quyền SHCN một cách hiệu quả. Đây là yêu cầu bắt buộc và cũng là thách thức lớn đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Để thực hiện Hiệp định Trips (một trong những yêu cầu để được kết nạp WTO) các nước thành viên phải xây dựng một hệ thống pháp luật bảo đảm thực thi hữu hiệu, đủ để xử lý thoả đáng, nhanh chóng các tranh chấp liên quan đến quyền SHTT, SHCN bằng các biện pháp chế tài hành chính hoặc dân sự, có đủ hiệu lực và công bằng, kể cả biện pháp cấp thời và các biện pháp kiểm soát biên giới.

Theo số liệu thống kê của Cục SHCN, số đơn đăng ký các loại đối tượng SHCN ở Việt Nam đã tăng dần trong những năm gần đây (Năm 1999: 11.426 đơn; năm 2000: 13.711 đơn). Trong đó phần lớn liên quan đến NHHH (khoảng 90% so với tổng số đối tượng được bảo hộ tại Việt Nam; tuy nhiên với số lượng 91.879 NHHH được bảo hộ chỉ có 16% của VN, 84% là của nước ngoài). Ngoài việc bảo hộ các đối tượng trên, số lượng các đơn đăng ký hợp đồng li xăng, chuyển nhượng, sửa đổi, gia hạn văn bằng bảo hộ trong những năm gần đây cũng tăng nhanh. Song song với việc ý thức về quyền SHCN trong hoạt động sản xuất,

kinh doanh thì các vụ việc liên quan đến tranh chấp, vi phạm quyền SHCN cũng ngày một tăng nhanh trong đó có nhiều tình huống phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của cả đôi bên. Điều này cho thấy cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, giá trị tài sản SHCN ngày càng có vai trò quan trọng đối với các cơ sở, doanh nghiệp và thật sự trở thành một dạng tài sản giá trị, có thể chuyển nhượng, mua bán, và là nguyên nhân của nhiều vụ tranh chấp do một số cơ sở chưa có nhận thức nghiêm túc về vấn đề này.

Tiếp tục củng cố và bổ sung các văn bản về bảo hộ quyền SHCN, trong hai năm qua Chính phủ, các cơ quan chức năng đã ban hành một số văn bản mới về SHCN:

- Nghị định 12/1999/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực SHCN

- Thông tư 825/2000/TT-BKHCNMT hướng dẫn thi hành NĐ 12/1999/NĐ-CP

- Nghị định 54/2000/NĐ-CP về bảo hộ quyền SHCN thêm 4 đối tượng liên quan đến SHCN

- Nghị định 06/2001/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung NĐ 63/CP quy định chi tiết về SHCN

- Nghị định 13/2001/NĐ-CP về bảo hộ giống cây trồng mới.

và hiện đang tiếp tục xem xét để ban hành các văn bản liên quan đến Nghị định về sáng kiến, Nghị định về thiết kế bố trí mạch tích hợp, và các Thông tư liên tịch có liên quan để đáp ứng yêu cầu đối với hệ thống văn bản pháp lý về SHTT, SHCN.

Như vậy ngoài 5 đối tượng được bảo hộ như trước đây (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, và tên gọi xuất xứ hàng hoá), một số đối tượng quy định theo NĐ 54/



2000/NĐ-CP được đương nhiên công nhận bảo hộ, đó là: bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh. Như vậy trong hoạt động bảo vệ quyền SHTT, SHCN lại càng có nhiều tình huống dễ đưa đến vi phạm, tranh chấp nếu như các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất không sớm trang bị cho mình những kiến thức cần thiết về SHTT, SHCN. Về phía nhà nước cần sớm ban hành những hướng dẫn và quy định cụ thể (chuyên ngành và liên ngành) để các cơ quan chức năng có thể làm tốt nhiệm vụ trên lĩnh vực hoạt động được phân công.

Tại Lâm Đồng, từ những năm 1997 trở lại đây, hoạt động quản lý SK- SHCN đã được quan tâm tích cực hơn. Tháng 8/1998 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Chỉ thị số 38/1998/CT-UB nhằm tăng cường công tác quản lý SHCN tại địa phương. Sở KH-CN&MT Lâm Đồng đã phối hợp với một số cơ quan trong tỉnh: Cục quản lý thị trường, Công an kinh tế, Chi cục tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, ... tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất và dịch vụ trong tỉnh về lĩnh vực này (kết hợp cùng những nội dung khác như chống hàng giả, kiểm tra về chất lượng và môi trường). Thực hiện công tác tư vấn, hướng dẫn nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc lập các thủ tục đăng ký. Tổ chức phổ biến những thông tin về hoạt động SHCN cho các cơ quan, đơn vị dưới dạng thông tin trên báo đài, gửi tài liệu tham khảo theo yêu cầu, mở lớp tập huấn, ... Qua những đợt thẩm tra trong năm 2000, số lượng đăng ký NHHH, KDCN của các cơ sở Lâm Đồng là 40 đơn, trong đó đã cấp cho 24 đối tượng (1 Kiểu dáng công nghiệp, 3 nhãn dịch vụ và 20 NHHH chủ yếu thuộc các mặt hàng đặc sản trà, nghệ, cà phê). Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong Tỉnh đã quan tâm nhiều hơn đến hoạt động SHCN, số lượt người đến để được tư vấn, hướng dẫn về SHCN tăng dần. Đồng thời, Sở KH-CN & MT cũng đã tiếp nhận và phối hợp xử lý nhiều vụ

việc liên quan đến các đơn khiếu nại, tranh chấp về nhãn hiệu hàng hoá (NHHH), kiểu dáng công nghiệp (KDCN) như các trường hợp: NHHH của Thiên Thành, của Quốc Thái (Bảo Lộc); KDCN, NHHH của nước tương Bông Sen (Đơn Dương), việc lắp ráp xe máy trái phép ở một vài đại lý, việc sử dụng nhãn trái pháp của 1 cơ sở chiết nạp ga,...

Qua đánh giá tình hình hoạt động SHCN trên địa bàn tỉnh và những thông tin chung trong cả nước, một số điểm đang cần được quan tâm trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh hoạt động SK-SHCN đáp ứng với yêu cầu chung của cả nước được ghi nhận như sau:

#### *Về mặt quản lý nhà nước:*

Song song với việc tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp lý chuyên ngành, liên ngành do các cấp có thẩm quyền thực hiện, công tác phổ biến tuyên truyền các văn bản có liên quan đến lĩnh vực SHCN là cần thiết. Tại các địa phương sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng có liên quan đến hoạt động SHCN (Sở KH-CN & MT, Công an kinh tế, Cục quản lý thị trường, Hải quan, ...) trong việc thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các vụ việc tranh chấp, vi phạm về SHCN sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động SHCN theo hướng tích cực. Qua tình hình thực tế việc trao đổi những vấn đề bức xúc, còn vướng mắc trong hoạt động SHCN giữa địa phương và Cục SHCN là cần thiết nhằm giải quyết hợp lý các tình huống cá biệt trong việc tranh chấp, xác lập quyền SHCN. Vấn đề này tuy đã được kiến nghị và quan tâm nhưng thực tế việc xác định các thông tin cần thiết giúp cho địa phương xử lý các vụ việc từ phía Cục SHCN vẫn còn chậm trễ, không kịp thời, đôi lúc chưa nhất quán và không rõ ràng. Nhiều trường hợp chưa được giải quyết thoả đáng vì còn lệ thuộc vào các quy định mang tính chất chung chưa được cụ thể hoá; thời gian xét cấp các giấy chứng nhận, việc từ chối các mẫu đăng ký tương tự có thể gây nhầm lẫn, trùng lặp; những tranh chấp khiếu nại đối với vấn đề ai là người hợp pháp được

công nhận là chủ sở hữu đối tượng. Đây là vấn đề còn gây nhiều phản ứng và thắc mắc cho những ai quan tâm đến hoạt động SHCN; đối với Cục SHCN cũng như các cơ quan, các cấp có thẩm quyền trong một số trường hợp hiện nay vẫn chưa giải quyết thoả đáng nhằm bảo vệ lợi ích của các chủ đối tượng thực sự có hoạt động sản xuất chân chính trong và ngoài nước.

#### *Về mặt nhận thức của các cơ sở sản xuất-dịch vụ, các doanh nghiệp*

Với xu thế phát triển kinh tế hàng hoá như hiện nay, sự tăng trưởng về số lượng hàng hoá sản xuất và lưu thông trên thị trường ngày càng nhiều, sự phong phú về chủng loại với nhiều kiểu dáng và nhãn hiệu khác nhau đã làm cho việc tranh chấp, vi phạm quyền SHCN tăng lên đáng kể. Việc phát sinh các loại hình sản xuất hàng giả, hàng nhái vì mục đích thu lợi bất chính và cạnh tranh không lành mạnh là điều tất yếu. Vì vậy chủ sở hữu các đối tượng mang nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp uy tín cần sớm nhận thức và quyết tâm trong việc bảo hộ quyền SHCN.

Để cùng hướng đến việc tăng cường hoạt động SHCN trong xu thế chung của cả nước, tại mỗi địa phương các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, dịch vụ (nhất là trong hoạt động xuất nhập khẩu, gia công lắp đặt, chế biến) phải tích cực quan tâm theo dõi, hiểu rõ các nguyên tắc pháp lý về SHCN để tránh được những sai phạm đáng tiếc có thể xảy ra. Việc nâng cao nhận thức về hoạt động SHCN của các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp mang ý nghĩa rất quan trọng: giúp bảo vệ lợi ích của đơn vị, tránh được những tình huống tranh chấp, vi phạm do vô tình hoặc cố ý. Việc thực hiện các thủ tục đăng ký (NHHH, kiểu dáng công nghiệp, chuyển giao công nghệ, ...) là cơ sở pháp lý bảo vệ hoạt động chân chính của đơn vị, góp phần tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy việc khai thác quyền SHCN hợp pháp của đơn vị, góp phần tích cực vào hoạt động sản xuất và cạnh tranh lành mạnh trong xã hội. ■



# Mùa mưa ở Lâm Đồng

TRẦN XUÂN HIỂN

Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Lâm Đồng

## 1. THỜI GIAN BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC MÙA MƯA

Ở Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng một năm có 2 mùa rõ rệt (mùa mưa và mùa khô). Mùa mưa ở Lâm Đồng thường bắt đầu từ cuối tháng IV; riêng vùng phía Đông, Đông Bắc đến đầu tháng V mới bắt đầu mùa mưa.

Kết thúc mùa mưa ở Lâm Đồng phổ biến vào cuối tháng X. Vùng Đạ Huoai, Bảo Lộc nằm ở sườn đón gió mùa Tây Nam nên mùa mưa kéo dài và kết thúc muộn hơn, khoảng sang đầu tháng XI.

Thực tế trong các tháng IV, V gió mùa Tây Nam chỉ mới bắt đầu hoạt động nên ảnh hưởng của nó đối với tỉnh Lâm Đồng còn yếu. Bởi vậy, mưa trong tháng IV, V chủ yếu là mưa dông về trưa, chiều, cường độ mưa và lượng mưa tháng lớn (tổng lượng mưa tháng có khi lên tới trên 100 mm), nhưng mưa thường bị gián đoạn, thời gian không có mưa liên tục có thể kéo dài từ 7-10 ngày. Gió mùa Tây Nam thiết lập ổn định và hoạt động mạnh vào tháng VI. Đây là thời kỳ có thể nói mùa mưa ở Lâm Đồng mới ổn định. Từ tháng này trở đi không những có lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều mà mưa còn phân bố đồng đều theo không gian và thời gian.

Tuy nhiên hàng năm thì mùa mưa có thể xê dịch, thời gian bắt đầu và kết thúc khác nhau, sớm hay muộn, nhưng nhìn chung ở Lâm Đồng mùa mưa kéo dài khoảng hơn 6 tháng.

## 2. LƯỢNG MƯA VÀ SỐ NGÀY CÓ MƯA

### 2.1 Lượng mưa và dao động lượng mưa

Như đã nói ở trên, Lâm Đồng có một mùa khô và một mùa mưa tương phản sâu sắc. Trong mùa khô (từ tháng XI đến tháng IV năm

sau) do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên lượng mưa ở Lâm Đồng rất ít, trung bình tháng ít khi vượt quá 90 mm. Tháng ít mưa nhất là tháng I hoặc tháng II, lượng mưa trung bình trong hai tháng này dao động từ 10-20 mm ở phía Bắc và từ 50-60 mm ở một số huyện phía Nam và Tây Nam của tỉnh. Thời gian còn lại của mùa khô có lượng mưa tháng trung bình dao động từ 60-90 mm.

Mùa mưa trùng với gió mùa hạ (gió mùa Tây Nam). Đây là thời kỳ hoạt động của các khối không khí nhiệt đới và xích đạo nóng ẩm. Trong mùa mưa, tháng nào cũng có tổng lượng mưa trên 100 mm, về giữa mùa mưa lượng mưa càng lớn. Lượng mưa trong năm tập trung chủ yếu vào các tháng VII, IX và X, đây là giai đoạn có sự hoạt động mạnh của trường gió mùa Tây Nam. Lượng mưa cực đại thường rơi vào tháng VIII, IX hoặc tháng X với lượng mưa dao động từ 250-300 mm/tháng, vùng mưa nhiều thường lớn hơn khoảng 450 mm/tháng (bảng 2).

Sau tháng XI, tháng đầu mùa khô, mưa giảm nhanh và đều trên toàn tỉnh. Lượng mưa tháng XI ở tất cả các nơi đều nhỏ hơn so với tháng X trên 130 mm. Điều này nói lên sự chuyển tiếp từ mùa mưa sang mùa khô ở Lâm Đồng diễn ra khá đột ngột, do vậy cần có kế hoạch dự trữ nước cho mùa khô ngay từ hạ tuần tháng X.

Nếu ta lấy trung bình của mùa mưa là từ tháng V đến tháng X thì Lâm Đồng có lượng mưa trung bình nhiều năm dao động trong khoảng 1.379-2.745 mm, lượng mưa trong mùa mưa chiếm khoảng từ 71-83% tổng lượng mưa trong cả năm và như vậy trong mùa khô tổng lượng mưa chỉ chiếm khoảng 17-29% lượng mưa cả năm. Điều này có thể bảo đảm cho cây cà

phê và cây chè phát triển tốt. Vì vậy, nhiều tác giả cho rằng phân bố mưa đều trong năm quan trọng hơn là tổng lượng mưa. Tổng lượng mưa năm có dao động khá lớn giữa các vùng là do hệ quả của sự phân hóa địa hình.

**BẢNG 1: TỔNG LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NHIỀU NĂM CỦA 8 TRẠM ĐO MƯA TRONG TỈNH**

Đà Lạt	1768
Liên Khương	1696
Thanh Mỹ	1379
Thanh Bình	1527
Di Linh	1451
Đạ Nga	2176
Bảo Lộc	2745
Đạ Tẻh	2733

**BẢNG 2: LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NHIỀU NĂM CỦA 3 TRẠM**

Trạm	Đà Lạt	Liên Khương	Bảo Lộc
I	7	13	57
II	16	17	50
III	55	52	99
IV	170	135	209
V	191	238	242
VI	213	192	302
VII	229	193	384
VIII	214	171	446
IX	282	282	400
X	239	224	306
XI	91	94	167
XII	34	36	88

Nơi có lượng mưa năm thấp nhất (trong số 8 trạm đo mưa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh) là vùng Đơn Dương, Thanh Bình (Lâm Hà) và Di Linh - lượng mưa trung bình nhiều năm chỉ đạt 1379-1527 mm/năm; nơi có lượng mưa năm cao là khu vực Bảo Lộc và các huyện phía Tây Nam của tỉnh, lượng mưa trung bình nhiều năm đạt tới trên 2700 mm/năm.



**ĐO MƯA TRONG TỈNH**  
**BẢNG 3: SỐ NGÀY CÓ MƯA**  
**THÁNG (Trung bình nhiều năm)**  
**CỦA 3 TRẠM ĐO MƯA**  
**TRONG TỈNH**

Trạm	Đà Lạt	Liên Khương	Bảo Lộc
I	2	2	5
II	2	1	5
III	5	4	8
IV	11	10	14
V	18	17	20
VI	20	20	22
VII	23	21	25
VIII	22	21	26
IX	23	23	25
X	19	18	22
XI	10	9	13
XII	6	4	7
CN	162	148	194

\* Tổng lượng mưa tính bằng mm, được quy tròn

\* Số ngày mưa tính bằng ngày

### 2.2 Số ngày có mưa và dao động của nó

So với một số tỉnh ở Tây Nguyên thì Lâm Đồng là nơi có số ngày mưa khá nhiều, trung bình năm số ngày mưa dao động trong khoảng 142-193 ngày (bảng 3). Phân bố số ngày mưa theo không gian và thời gian cũng tương tự như phân bố lượng mưa. Nơi có lượng mưa nhiều thì số ngày mưa nhiều và ngược lại.

Trong những tháng mùa khô số ngày có mưa dao động trong khoảng từ 2-13 ngày, đặc biệt là tháng I, II số ngày có mưa không vượt quá 5 ngày.

Các tháng VII, VIII, IX và X không những có tổng lượng mưa lớn mà số ngày có mưa cũng nhiều, trong các tháng này số ngày có mưa dao động trong khoảng từ 18-26 ngày có mưa trong một tháng, cá biệt có năm số ngày mưa lên tới 31 ngày như tháng X.1993 ở Đà Lạt.

### 3. TÌNH HÌNH MƯA LŨ Ở VÙNG ĐẠ HUOAI, ĐẠ TỄH, CÁI TIÊN

Như chúng ta đã biết, khí hậu

và thời tiết Lâm Đồng có những mặt rất thuận lợi cho đời sống và sản xuất. Ưu điểm nổi bật nhất là chế độ nhiệt. Nhiệt độ giảm dần theo độ cao đã tạo ra những vùng có nền nhiệt độ khác nhau với sự ôn hòa quanh năm và ít biến động. Với đặc điểm đó Lâm Đồng có thể phát triển các loại cây trồng và vật nuôi vừa ưa nhiệt và vừa ít ưa nhiệt. Mặt khác Lâm Đồng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên ít nhiều cũng phải chịu ảnh hưởng của thiên tai do thời tiết mang lại. Tuy mức độ ảnh hưởng không nặng nề và tần suất xảy ra không phổ biến trên diện rộng như các tỉnh khác, song nó cũng mang lại những tổn thất nhất định cho một số vùng. Đặc biệt là tình hình lũ lụt và mưa lớn hàng năm và cũng có khả năng là năm nay thường gây nên những thiệt hại đáng kể ở 3 vùng: Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai.

Ba huyện Tây Nam của tỉnh do đặc điểm địa hình và vị trí địa lý nên thời tiết ở đây có những nét riêng. Qua số liệu khảo sát và điều tra ta thấy được:

- Nền nhiệt độ ở Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 24-25°C, cao hơn so với vùng Bảo Lộc, Liên Khương.

- Nhiệt độ cao nhất có khi lên tới trên 36°C.

- Đây là vùng có tổng lượng mưa năm tương đối lớn; tổng lượng mưa trung bình năm thường dao động trong khoảng từ 2700-3000mm, cá biệt có năm lượng mưa đạt tới 3400mm (Đạ Tẻh, năm 1980).

- Do mưa không phân bố đồng đều theo không gian và thời gian nên ở đây có một mùa khô rất gay gắt và mùa mưa ẩm ướt với những trận mưa lớn gây lũ lụt kéo dài.

- Lượng mưa tập trung chủ yếu đều trong 5 tháng từ tháng VI đến tháng X. Đặc biệt trong tháng VII, VIII và IX đôi khi cả nửa đầu tháng X, là thời kỳ hoạt động mạnh của gió mùa Tây Nam, kết hợp rãnh thấp, bão hoặc áp thấp nhiệt

đới nên lượng mưa trong các tháng này rất lớn, lượng mưa trung bình từ 500-600 mm, có năm lên đến gần và lớn hơn 1000 mm, như ở Đạ Tẻh - 970 mm (tháng VIII.1986), Madagui - 1280 (tháng 8.1986).

- Ngoài ra trong hai tháng này thường có những trận mưa to đến rất to, lượng mưa ngày có thể lên đến 200 mm, Đạ Tẻh (ngày 21.8.1987) đo được 252 mm, ở Madagui (ngày 14.7.1987) là 166 mm.

Tóm lại trong mùa mưa không những có lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều mà sự phân bố lượng mưa theo không gian và thời gian tương đối đồng đều. Do vậy trong mùa này các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, dâu tằm; cây lương thực, cây màu đều sinh trưởng và phát triển nhanh tốt. Song đây cũng là thời kỳ mà thời tiết không thuận lợi cho việc trồng rau ở vùng Đà Lạt. Mặt khác mưa nhiều, mưa liên tục cũng gây ra những khó khăn nhất định cho hoạt động quốc phòng, các ngành giao thông vận tải, xây dựng, lâm nghiệp, du lịch, thể thao...

Mưa lớn, cường độ mạnh là nguyên nhân chủ yếu gây nên ngập lụt ở 3 huyện trên và đã mang lại nhiều thiệt hại không nhỏ cho đời sống xã hội. Bởi vậy để khai thác và tận dụng triệt để những mặt thuận lợi của thời tiết ở ba huyện này cũng như hạn chế đến mức tối đa những khó khăn do lũ lụt mang lại ngoài việc nghiên cứu giống cây trồng thích hợp, bố trí lại thời vụ gieo trồng, cần quan tâm hơn nữa đến công tác phòng chống bão, lụt. Ban phòng chống bão lụt của các huyện nói trên cần kết hợp với các ban ngành và nhân dân địa phương duy trì triển khai tốt hơn nữa công tác phòng chống bão lụt vào thời gian cao điểm của mùa mưa bão.





**N**ấm Linh chi có tên khoa học là *Ganoderma lucidum*, được đề cập trong "Thần nông bản thảo kinh" đời nhà Châu cách đây hơn 2000 năm. Mũ nấm Linh chi có hình bán nguyệt, có thể lớn tới 20cm, dày 0,5-2cm, trên mặt có vân hình vòng tủa tròn, cuống phân nhánh. Linh chi được phân thành 6 loại có màu sắc khác nhau:

- Hồng chi còn gọi là Xích linh chi có màu đỏ
- Thanh chi còn gọi là Long linh chi có màu xanh
- Hoàng chi còn gọi là Kim linh chi có màu vàng
- Bạch chi còn gọi là Ngọc linh chi có màu trắng
- Hắc chi còn gọi là Huyền linh chi có màu đen
- Tử chi còn gọi là Mộc linh chi có màu tím.

#### Thành phần hóa học của Linh chi

Linh chi đã được nghiên cứu nhiều ở Trung Quốc và Nhật Bản. Các kết quả phân tích cho thấy:

- *Về định tính:* Trong Linh chi có đường, amino acid, protein, dầu béo, các hợp chất steroid, saponin và alcaloid.

- *Về định lượng:* tổng quát có
- Nước: 12-13%
- Mộc chất tổ: 13-14%
- Hợp chất nitơ: 1,6-2,1%
- Hợp chất phenol: 0,08-0,1%
- Chất béo: 1,9-2%
- Hợp chất steroid: 0,11-0,16%
- Chất khử: 4-5%
- Cellulose: 54-56%

#### Tác dụng dược lý và các chỉ định dùng Linh chi

Theo nghiên cứu của Viện nghiên cứu nấm ăn được thuộc Viện hàn lâm khoa học nông nghiệp Thượng Hải, Viện khoa học nghiên cứu Linh chi của Trung Quốc và một số tác giả như Lý Thời Trân ở Trung Quốc; Vương Hải Quang ở Đài Loan... nấm Linh chi có nhiều tác dụng quý đối với sức khỏe, trong đó có 2 tác dụng cơ bản:

- Tác dụng ưu dưỡng, tức là cải thiện hiệu suất các quá trình chuyển hóa và dinh dưỡng.

# NẤM LINH CHI VÀ SỨC KHỎE

PHAN BỔN

Viện Vắcxin cơ sở Đà Lạt

#### Nấm Linh chi nhân tạo

Khởi đầu Linh chi được tìm thấy như là một loại nấm mọc hoang trong rừng núi ẩm ướt, rất hiếm.

Kể từ năm 1936, GS. Dật Kiến Vũ Hưng - Trường Đại học nông nghiệp Tokyo Nhật Bản đã thử nghiệm nuôi trồng nấm Linh chi trong môi trường nhân tạo có kết quả và từ đó việc nghiên cứu nuôi trồng được nhiều người quan tâm. Hiện nay, có nhiều nước đã sản xuất thành công nấm Linh chi trên môi trường nhân tạo theo phương pháp nuôi trồng công nghiệp.

Có thể sử dụng nhiều loại nguyên liệu rẻ tiền để nuôi trồng nấm Linh chi chẳng hạn như mùn cưa, cám gạo, bột ngô...

Nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển của sợi nấm là 26-28°C, mũ nấm tạo thành tốt ở 23-25°C.

Độ ẩm trong giai đoạn nuôi dưỡng sợi nấm là 65%, khi sinh mũ nấm cần đảm bảo độ ẩm 85-90%, độ pH của cơ chất thông thường là 6.

Trong thời gian nuôi dưỡng sợi nấm cần che tối nhưng khi bắt đầu ra mũ nấm thì cần có ánh sáng khuếch tán. Trong điều kiện không thích hợp, nấm phát triển thành dạng không điển hình, thường có dạng như sừng hươu hay san hô.

Hiện nay, Linh chi đã được bào chế dưới dạng dược phẩm khác nhau như dạng viên nang, dạng trà uống. Viện vắcxin cơ sở Đà Lạt đã bào chế thành công nấm Linh chi ở dạng trà túi lọc và đã được Sở y tế Lâm Đồng cấp giấy phép. Hy vọng trà nấm Linh chi này sẽ phục vụ thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần bảo vệ sức khỏe tốt cho mọi người.

- Tác dụng tối ưu hóa quá trình tích tuổi, tức là làm cho cơ thể khỏe mạnh lâu già, tăng tuổi thọ. Trong dân gian có lời nói rằng: "Linh chi dùng lâu ngày mình nhẹ, trẻ mãi như thần tiên". Theo truyền thuyết khi nghe tin này, Tản Thủy Hoàng sai tiên nhân Lư Sinh đi tìm cho được thuốc Linh. Lư Sinh cùng với 500 người đi khắp bốn phương vượt biển đến Nhật Bản. Vì không tìm được loại thuốc Linh, Lư Sinh không dám trở về và đã ở lại Nhật Bản.

Y học phương Đông của các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Đài Loan đã nghiên cứu chỉ định dùng Linh chi trong điều trị.

#### 1. Những bệnh về hệ tim mạch

- Bệnh huyết áp cao ở người có tuổi

- Bệnh nhiễm mỡ xơ mạch: giảm cholesterol và giảm xu thế kết bè của tiểu cầu

Dùng Linh chi trong giai đoạn mới phát của những bệnh này có thể tránh được các biến chứng như:

\* Tai biến mạch não

\* Nhồi máu cơ tim

\* Những biến chứng ở động mạch võng mạc, thận

2. *Bệnh đái tháo đường:* kết hợp với chế độ nuôi dưỡng và luyện tập, Linh chi có thể làm giảm đường huyết.

#### 3. Bệnh viêm gan mạn

#### 4. Bệnh loét dạ dày, tá tràng

5. *Bệnh về hệ hô hấp:* hen phế quản, viêm phế quản

#### 6. Một số thể bệnh thấp khớp

7. *Một số trạng thái dị ứng ở da, mũi.*

Linh chi còn có tác dụng làm tăng cường hệ miễn dịch và giải độc cho cơ thể.



### Hưởng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2001

Sở khoa học, công nghệ và môi trường Lâm Đồng đã tiến hành tổ chức phát động chiến dịch tại xã Lát, huyện Lạc Dương, Lâm Đồng.

Với gần 100 người tham dự, thành phần nòng cốt là lực lượng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã và Sở KH-CN-MT. Tại lễ phát động chiến dịch đã tiến hành trồng cây xanh tại 2 trường mẫu giáo, ven đường... đặc biệt đã kêu gọi mọi người tham gia thu gom những loại rác khó phân hủy như bao nylon, chai nhựa, bao bì kim loại do du khách để lại khi tham quan dã ngoại, chinh phục đỉnh Lang Bian.

Qua chiến dịch đã làm cho du khách, nhân dân địa phương quan tâm bảo vệ môi trường góp phần tôn tạo, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên được tốt hơn.

### Bản đồ hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu, quản lý, và các hoạt động liên quan đến bảo tồn, Cục môi trường đã tiến hành điều tra, xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu về các khu bảo tồn thiên nhiên VN.

- Năm 1997, Hệ thống thông tin địa lý về hệ thống rừng đặc dụng VN đã được xây dựng với sản phẩm đã phát hành là *Sơ đồ hệ thống các Khu bảo tồn thiên nhiên của VN* (1998). Trong đó có 2 loại hình bảo tồn: rừng đặc dụng trên cạn và dự kiến các khu bảo tồn biển.

- Năm 2001, Cục môi trường (với sự hỗ trợ của Tây Ban Nha) đã xuất bản *Bản đồ hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên của VN*. Bản đồ được thiết kế với 2 phần chính: phần bản đồ và phần tra cứu

*Phần bản đồ: tỷ lệ 1:2.750.000*

được in trên khổ giấy 75cm x 60cm, thể hiện 3 hệ thống bảo tồn chính:

- Hệ thống khu bảo tồn rừng: tổng cộng 114 khu, gồm 3 loại hình: Vườn quốc gia; Khu bảo tồn thiên nhiên; Khu văn hoá, lịch sử, môi trường.

- Hệ thống các vùng đất ngập nước: gồm 65 khu (đang quy hoạch trình CP phê duyệt)

- Hệ thống các khu bảo tồn biển: 15 khu (đang quy hoạch trình CP phê duyệt).

*Phần tra cứu:* bao gồm những thông tin chi tiết liên quan đến các khu bảo tồn (tên, đối tượng bảo vệ, tỉnh, diện tích).

Tiếp tục sau việc phát hành bản đồ này, Cục môi trường sẽ đưa cơ sở dữ liệu hệ thống tin địa lý về các khu bảo tồn thiên nhiên VN lên trang web của Cục môi trường giúp các nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc tế và ngay cả người dân cũng có thể dễ dàng truy cập, tra cứu thông tin trực tiếp.

Đây là kết quả phối hợp nghiên cứu giữa Cục môi trường và các cơ quan, bộ ngành liên quan trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học; các bản đồ cùng với cơ sở dữ liệu về những khu bảo tồn VN sẽ góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của các khu bảo tồn và là công cụ hữu ích góp phần xác định các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các tài nguyên thiên.

*BVMT số 8/2001*

### Động vật chí - Thực vật chí Việt Nam

Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia đã tổng kết đề án Động vật chí-Thực vật chí Việt Nam (giai đoạn 1996-2000) trong tháng 2/2001. Đề án do GS.TSKH. Đặng Ngọc Thanh làm chủ nhiệm với sự tham gia của 80 tác giả soạn thảo, với tổng số ghi

nhận trên 8.500 loài động, thực vật. Trong số này hiện có 15 tập động vật chí-thực vật chí đã xuất bản, 32 công trình đã soạn thảo xong và chuẩn bị xuất bản, 21 công trình đang được soạn thảo. Động vật chí và thực vật chí được soạn thảo và công bố phục vụ thiết thực cho công tác nghiên cứu khoa học và chỉ đạo sản xuất.

*Tạp chí HĐKH số 3/2001.*

### Khả năng áp dụng vi tảo để xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong nước thải

Vấn đề loại trừ các kim loại nặng, độc ra khỏi các nguồn nước, đặc biệt là nước thải công nghiệp đang là mối quan tâm hiện nay nhằm góp phần xử lý bảo vệ môi trường nước. Đã có nhiều giải pháp được đưa ra nhưng giá thành cao và thường khá phức tạp làm hạn chế sự áp dụng (sử dụng phương pháp hoá lý). Hướng nghiên cứu các biện pháp sinh học để giải quyết vấn đề này hiện đang có nhiều triển vọng đáp ứng cho tương lai. Khả năng hấp thu các ion kim loại nặng của vi tảo cho thấy những ưu thế đặc biệt. Một số loài vi tảo đóng vai trò là chất hấp thu sinh học khả năng hấp thu mật độ cao (như *Chlorella*, *Spirulina*). Vi tảo trong quá trình thực hiện xử lý còn có hoạt động quang hợp thu nhận một lượng lớn CO<sub>2</sub> và các muối dinh dưỡng, góp phần ngăn ngừa, hạn chế tình trạng phì dưỡng trong môi trường nước (Eutrophication). Có thể thấy đây là phương pháp lựa chọn đơn giản và hiệu quả nhằm loại trừ kim loại nặng trong nước thải công nghiệp.

Sự hấp thu kim loại nặng của các loài vi tảo khác nhau và tùy thuộc loại kim loại nặng, tính chất nước thải cũng như biện pháp tiền xử lý sinh khối. Ngoài ra khi quá trình xử lý kết thúc, phần sinh khối



sau đó còn có thể được sử dụng để sinh năng lượng. Để có thể phát triển mở rộng hướng công nghệ sử dụng sinh khối vi tảo để loại bỏ kim loại nặng, cần có sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và quản lý môi trường.

Những khó khăn còn đang được nghiên cứu đó là:

- Tìm kiếm chọn lọc các chủng tảo có khả năng hấp thụ mạnh

- Phương pháp tiến xử lý sinh khối trước khi cho vào quá trình hấp thụ kim loại nặng ở trong nước.

- Một số nguồn nước cần xử lý kim loại nặng, còn chứa nhiều thành phần hoá học có độc tính cao đối với sinh vật sống trong nước vì vậy yêu cầu phải được tiến hành xử lý sơ bộ trước khi áp dụng biện pháp xử lý sinh học này.

*Bảo vệ môi trường 5/2001*

**Nhà máy chế biến cà phê theo công nghệ ướt đầu tiên**

Đầu tháng 8/2001 Công ty Thái Hoà (Lâm Hà) đã chính thức đưa vào hoạt động nhà máy chế biến cà phê theo công nghệ ướt đầu tiên tại Lâm Đông. Nhà máy được trang bị với tổng vốn đầu tư là 10 tỷ đồng, công suất 160 tấn cà phê tươi/ngày, có hệ thống xử lý nước thải hiện đại. Đây là công nghệ chế biến cà phê tươi sau khi hái, cho thành phẩm là cà phê nhân khô với chất lượng được nâng cao đảm bảo cho xuất khẩu. Dự kiến trong vụ cà phê 2001-2002 nhà máy sẽ chế biến khoảng 45.000 tấn cà phê.

*Thời báo kinh tế VN 8/2001*

**Đầu tư trồng và xuất khẩu gỗ cây Paulownia**

Tháng 8/2001, Công ty đầu tư Australia đã thoả thuận hợp tác đầu tư vốn và kỹ thuật để trồng, sản xuất và xuất khẩu cây Paulownia tại Việt Nam. Đây là một loại cây gỗ có giá trị kinh tế cao và giúp cải thiện môi trường. Dự

án đầu tiên của Tổ hợp Paulownia Australia - Việt Nam sẽ được triển khai tại Bình Long (Bình Phước) với các nội dung xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển giao kỹ thuật, cung cấp giống, phân bón, đảm bảo đầu ra xuất khẩu cho sản phẩm gỗ này. Gỗ Paulownia có điểm bắt lửa cao (400 độ C), mau khô không rạn nứt, dễ xử lý (nhuộm màu, cửa, đục đẽo,...) và có nhiều công dụng. Tại các trang trại ở Australia, với mật độ trồng 350-450 cây/ha sau 10 năm cây có thể đạt đường kính 1m, cao 20m; nếu thu hoạch sẽ cho khoảng 6.300 m<sup>3</sup> gỗ. Theo tài liệu nước ngoài, giá gỗ Paulownia từ 600-1.000USD/m<sup>3</sup>. Hiện nay Trung Quốc, Hoa kỳ, Australia là 3 nước xuất khẩu nhiều nhất và Nhật Bản là nước nhập khẩu gỗ Paulownia nhiều nhất thế giới. Trong năm 2000, Việt Nam đã trồng thử nghiệm tại nhiều tỉnh từ Huế trở vào. Tại những vùng thử nghiệm ở Lâm Đông, Đông Nai cây Paulonia đã phát triển khá tốt; kể cả ở những trang trại trồng thử như ở Kontum. Quý II/2001 Bộ Kế hoạch đầu tư cũng đã phê duyệt dự án trồng thử nghiệm ở các tỉnh miền núi phía Bắc (kinh phí 3 tỷ đồng). Theo khuyến cáo của Viện nghiên cứu sinh học nhiệt đới bước đầu nên trồng thử nghiệm 1-2 ha, sau khi đã có kinh nghiệm trồng, chăm sóc mới tiến hành đầu tư lớn tại những vùng đất, khí hậu thích hợp. Đồng thời phải chọn giống tốt, kỹ thuật canh tác đúng và đầu tư thỏa đáng mới mang lại hiệu quả. Chi phí đầu tư cho 1ha trong 3 năm đầu được ước tính khoảng 60 triệu đồng.

*Thời báo kinh tế 8/2001*

**Sử dụng vật liệu cao chống thấm để làm hồ chứa nước dùng trong sinh hoạt**

Viện nghiên cứu cao su Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm vật liệu cao chống thấm để làm hồ chứa nước ngọt dùng trong sinh hoạt. Hồ có quy

mô từ 1.000m<sup>3</sup> trở lên, có khả năng giữ và lắng nước được lấy từ nước mưa hoặc sông hồ, kênh rạch. Việc xây dựng hồ rất thích hợp đối với những vùng gò đồi thiếu nước mặt, các vùng bị nhiễm phèn, nhiễm mặn hoặc kênh rạch bị ô nhiễm.

Viện nghiên cứu cao su Việt Nam sẵn sàng phối hợp với các cơ quan đơn vị có yêu cầu trong việc chuyển giao công nghệ xây dựng hồ, hướng dẫn sử dụng và bảo trì. Giá thành đầu tư cho mỗi m<sup>3</sup> dung tích vào khoảng 50.000 - 70.000 đồng tùy theo tình hình địa chất cụ thể nơi xây dựng hồ.

Viện nghiên cứu cao su Việt Nam sẽ hỗ trợ một phần kinh phí mua vật liệu chống thấm, hỗ trợ tư vấn, đào tạo đối với sản phẩm đầu tiên và đối với các vùng khó khăn.

*Viện nghiên cứu cao su VN, TP. HCM*

**Một vài con số có liên quan đến tình hình chế biến thực phẩm tại Việt Nam**

Cả nước có: 1.929.853 cơ sở sản xuất kinh doanh; cơ sở chế biến (28%)

Trong số các cơ sở chế biến có 531.229 cơ sở tư nhân (97,9%) và 11.473 là doanh nghiệp hạch toán độc lập, chi nhánh doanh nghiệp (2,1%).

Số đơn vị chế biến thực phẩm & đồ uống chiếm tỷ lệ cao nhất 11.473 doanh nghiệp; chi nhánh doanh nghiệp 3.909 (chiếm 34%). Số lượng các cơ sở của cá thể tư nhân là 159.366 (30%), trong số đó có 144.497 cơ sở (90,7%) là những cơ sở nhỏ từ 1-3 người và 3.909 cơ sở (65%) là doanh nghiệp vốn nhỏ dưới 300 triệu đồng.

*Theo Tổng cục thống kê VN*



## CD-ROM

# LÂM ĐỒNG - ĐÀ LẠT

## Những tư liệu khảo cứu

**L**ÂM ĐỒNG - ĐÀ LẠT, một địa danh đã trở nên quen thuộc đối với đại đa số công dân Việt Nam và nhiều người nước ngoài, nằm trên 3 cao nguyên xếp vào loại đẹp và trù phú của Việt Nam: cao nguyên Langbian (Lạc Dương - Đà Lạt), cao nguyên Dran - Fyan (Đơn Dương - Đức Trọng), cao nguyên Djalring - B'lao (Di Linh - Bảo Lộc) và vùng tiếp giáp với miền Đông Nam Bộ (Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên). Đây là vùng phát nguyên của hệ thống sông Đồng Nai, nơi có nhiều tài nguyên đa dạng, phong phú: nguồn nước, nguồn thủy năng, khoáng sản, đất bazan, rừng, đa dạng sinh học, khí hậu tốt, cảnh quan đẹp và nền văn hoá mang bản sắc các dân tộc Tây Nguyên, Việt Nam.

Nhằm phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về vùng đất trù phú và nên thơ này, từ năm 1999 đến nay, Sở Khoa học, Công nghệ & Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng CD-ROM "*Lâm Đồng - Đà Lạt, những tư liệu khảo cứu*" gồm trên 6.000 trang tư liệu (khổ A5) và hơn 200 hình ảnh về Lâm Đồng - Đà Lạt, trong đó có 25 quyển sách và hàng trăm bài báo, công trình nghiên cứu Lâm Đồng - Đà Lạt đã được xuất bản từ sau năm 1975, đăng trên các báo ở địa phương và trong nước.

Các thông tin trên được tập hợp trong 15 mục: địa lý, lịch sử, khoa học - công nghệ - môi trường, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế, du lịch, dân tộc học, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục, y tế, tư liệu tiếng Anh (English documents), hình ảnh, nhạc.

Đây là một công trình mang ý nghĩa từng bước tin học hóa công tác thư viện và thông tin, lưu trữ, chỉ để phục vụ cho mạng tin học của Sở và một số bạn đọc có yêu cầu, không phát hành rộng rãi.

Ngoài ra, chúng tôi nhập thêm và trình bày lại một số hình ảnh và video: *Toàn cảnh Đà Lạt, Đà Lạt xưa, thắng cảnh, kiến trúc, hoa.*

Một số tư liệu có vài chi tiết không chính xác nhưng chúng tôi vẫn giữ nguyên văn.

Chúng tôi vô cùng biết ơn tác giả của các tư liệu mà chúng tôi đã sử dụng.

Vì thời gian có hạn, tư liệu trong Thư viện Sở chưa thật đầy đủ, CD-ROM "*Lâm Đồng - Đà Lạt, những tư liệu khảo cứu*" không tránh khỏi thiếu sót, nhầm lẫn, rất mong bạn đọc góp ý và giới thiệu thêm tư liệu.

**SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG**



CD-ROM

# LÂM ĐỒNG ĐÀ LẠT

Những  
tư liệu  
khảo cứu



- Địa lý
- Lịch sử
- KH-CN-MT
- Công nghiệp
- Nông nghiệp
- Lâm nghiệp
- Kinh tế
- Du lịch
- Dân tộc học
- Văn hóa NT
- Giáo dục
- Y tế

# LÂM ĐỒNG - ĐÀ LẠT

## Những tư liệu khảo cứu

Giới thiệu

Tim kiếm

Tiếng Việt

Hướng dẫn



## Đà Lạt trắng mờ

Đáy phôi thiêng liêng đã khởi đầu:  
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!  
Trắng sao đêm dưới trong sương nhạt  
Như đón từ xa một ý thơ.

Hàng thông lấp lánh đờng trong im  
Cảnh lá in như đã lặng chìm  
Hư thực làm sao phân biệt được!  
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.

Ai hãy làm thính chờ nói nhiều  
Để nghe dưới đáy nước hó-reo  
Để nghe tơ liễu rung trong gió  
Và để xem trời giải nghĩa yêu...

Cả trời say nhuộm một màu trắng  
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng  
Không một tiếng gì nghe động chạm  
Dẫu là tiếng vỡ của sao băng...

Hàn Mặc Tử

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG  
Số 02 Hoàng Văn Thụ - Đà Lạt; ĐT: 820352; Email: skcmld@hcm.vnn.vn

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG  
PHÒNG THÔNG TIN & SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Số 02 Hoàng Văn Thụ - Đà Lạt; ĐT: 063.820352; Email: skcmld@hcm.vnn.vn





Soi bóng

Ảnh: Trần Đức Lộc

Thông tin  
**KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ**

**Số 03/2001**